

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT



2019 | BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT

Số 08 đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

www.dothidalat.com.vn



MỤC LỤC

CHƯƠNG I

TỔNG QUAN CÔNG TY

- Thông tin chung
- Quá trình hình thành và phát triển
- Các giải thưởng tiêu biểu
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Các yếu tố rủi ro

CHƯƠNG II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

CHƯƠNG III

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2019
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty
- Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

CHƯƠNG IV

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc
- Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

CHƯƠNG V

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.

CHƯƠNG VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến của kiểm toán
- Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán



CHƯƠNG I

TỔNG QUAN CÔNG TY

- » Thông tin chung
- » Quá trình hình thành và phát triển
- » Các giải thưởng tiêu biểu
- » Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- » Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- » Định hướng phát triển
- » Các yếu tố rủi ro





Tên giao dịch CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT

Tên tiếng anh DALAT URBAN SERVICE JOIN STOCK COMPANY

Giấy chứng nhận ĐKDN 5800075878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 18/04/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 24/08/2018.

Vốn điều lệ 56.143.000.000 đồng

Trụ sở chính Số 08 đường Phạm Ngũ Lão, phường 3, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Số điện thoại (0263) 3821 758

Số fax (0263) 3837 030

Website www.dothidalat.com.vn

Mã cổ phiếu DUS





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 115/2002/QĐ-UB ngày 09/09/2002 sáp nhập Công ty Công viên hoa và cây xanh vào Công ty.

1996

Tiền thân của Công ty cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt là Công ty Quản lý Công trình Đô Thị Đà Lạt được thành lập vào năm 1996 theo Quyết định số 336QĐ/UB-TC ngày 30/03/1996 của UBND tỉnh Lâm Đồng trên cơ sở hợp nhất Công ty Công trình công cộng và Công ty Vệ sinh mai táng.



2002



UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 30/03/2015 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Dịch vụ Đô thị thành phố Đà Lạt thành Công ty cổ phần.

Công ty cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 30/06/2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 580075878 thay đổi lần thứ 5 ngày 30/06/2015 với số vốn điều lệ là 55.279.150.000 đồng.

2010

UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 1401/QĐ-UB ngày 30/06/2010 về việc chuyển Công ty Quản lý Công trình Đô thị Đà Lạt thành Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ Đô thị thành phố Đà Lạt, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Đô thị thành phố Đà Lạt chính thức hoạt động theo mô hình mới từ ngày 06/01/2011.



2015



Công ty thay đổi vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 580075878 thay đổi lần thứ 7 ngày 24/8/2018.

2017

Công ty bổ sung người đại diện theo pháp luật theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 580075878 thay đổi lần thứ 6 ngày 16/11/2017



2018

Ngày 19/08/2019, Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 37/2019/GCNCP-VSD cho Công ty với số lượng cổ phiếu đăng ký là 5.614.300 cổ phiếu, mã chứng khoán là **DUS**.

Ngày 08/01/2020, cổ phiếu Công ty cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt chính thức được đưa vào giao dịch trên sàn UPCoM với giá tham chiếu tại ngày giao dịch đầu tiên là 12.800 đồng/cổ phiếu.



2019



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



Giấy khen của UBND TP Đà Lạt cho cho tập thể có thành tích xuất sắc trong tham gia Hội hoa xuân Tết nguyên đán Kỷ Hợi (QĐ số 428/QĐ-UBND ngày 12/02/2019)



Giấy khen của UBND TP Đà Lạt cho tập thể có thành tích trong phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa năm 2018 (QĐ số 892/QĐ-UBND ngày 22/3/2019)



Bằng khen Bảo hiểm xã hội Việt Nam cho tập thể đã có thành tích xuất sắc trong công tác chỉ đạo, phối hợp thực hiện chính sách BHXH, BHYT giai đoạn 2017-2018 (QĐ số 67/QĐ-BHXH ngày 10/01/2019)



Bằng khen của UBND tỉnh Lâm Đồng cho tập thể đã có thành tích xuất sắc trong công tác An toàn, vệ sinh lao động - Phòng chống cháy nổ năm 2018 (QĐ số 1044/QĐ-UBND ngày 10/5/2019)



Bằng khen của UBND tỉnh Lâm Đồng cho tập thể đã có thành tích xuất sắc trong tổ chức thực hiện các chương trình Festival Hoa Đà Lạt lần thứ VIII - năm 2019 (QĐ số 2670/QĐ-UBND ngày 24/12/2019)



Giấy khen của UBND TP Đà Lạt cho tập thể đã có thành tích trong phong trào thi đua quyết thắng năm 2019 (QĐ số 178/QĐ-UBND ngày 10/01/2020)



Giấy khen của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lâm Đồng cho tập thể đã có thành tích tốt trong hoạt động kết nghĩa năm 2019 (QĐ số 349/QĐ-BCH ngày 25/02/2020)



Bằng khen của UBND tỉnh Lâm Đồng cho tập thể đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống thiên tai năm 2019 (QĐ số 29/QĐ-UBND ngày 07/01/2020)



Giấy khen của UBND TP Đà Lạt cho tập thể đạt Giải Ba Hội thi Xanh - sạch - đẹp lần thứ 14 năm 2019 (QĐ số 6109/QĐ-UBND ngày 12/12/2019)



Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa giai đoạn 2015-2019 theo QĐ số 2721/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng.





Công ty hoạt động trên các lĩnh vực kinh doanh chính sau

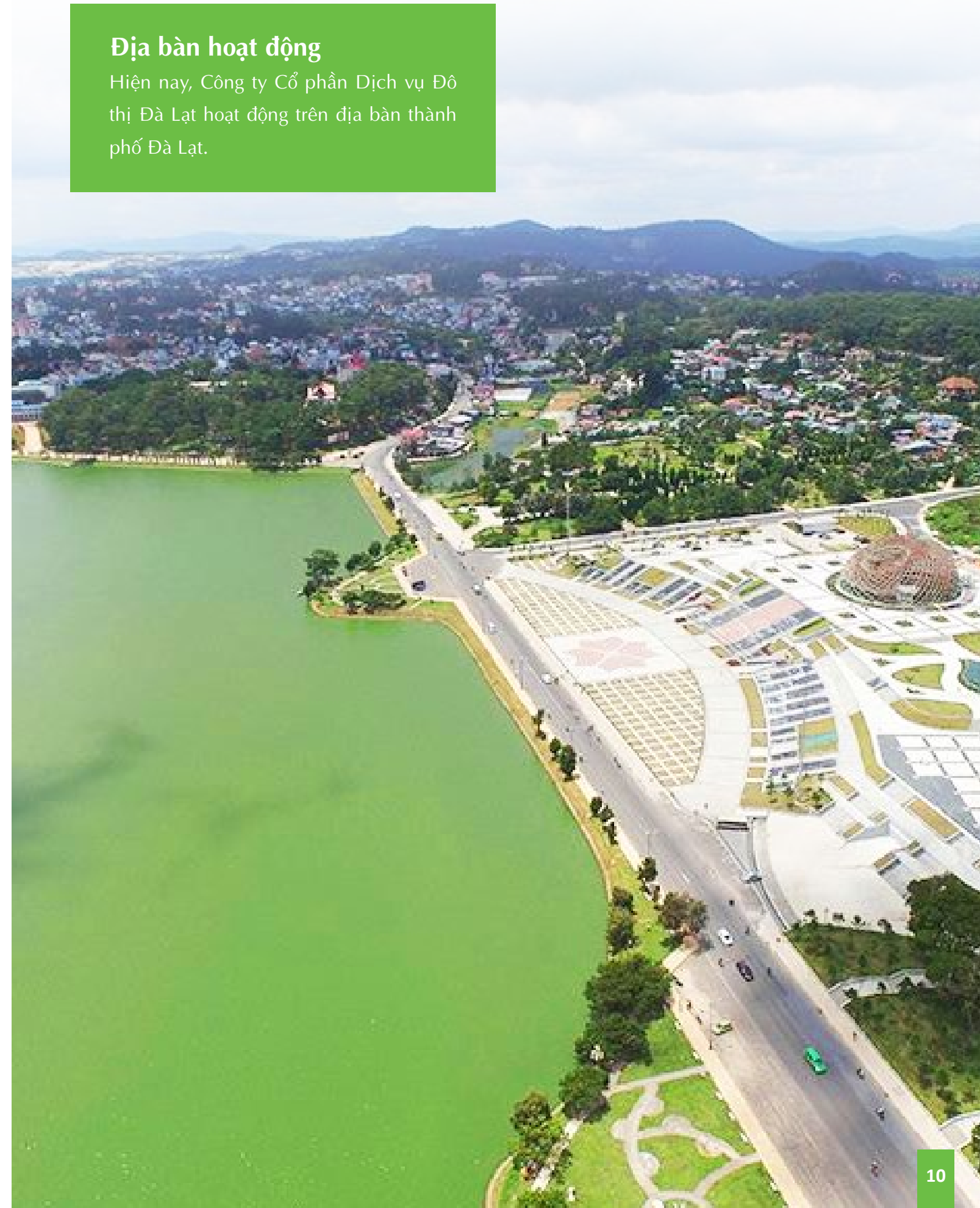
Lĩnh vực Dịch vụ công ích: Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt; Trồng, chăm sóc, bảo vệ hoa, cây xanh đường phố, công viên công cộng; Quản lý bảo trì, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng; Duy tu sửa chữa nâng cấp đường nội thị; Tuân tra và quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Dịch vụ khác: Quản lý nghĩa trang trên địa bàn thành phố; Sản xuất, gieo ươm, mua bán, trang trí hoa, cây xanh; Dịch vụ vệ sinh môi trường, thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt, xử lý rác thải y tế; Dịch vụ hỏa táng, cải táng, lưu tro cốt sau hỏa táng, xây dựng mộ chí; Du lịch, vui chơi giải trí; Cho thuê mặt bằng, bãi giữ xe; Dịch vụ vận chuyển, cho thuê xe máy chuyên dùng; Giám sát, thiết kế thi công công trình dân dụng, giao thông, thoát nước, hệ thống chiếu sáng, kỹ thuật hạ tầng đô thị; tổ chức sự kiện, cho thuê nhà vệ sinh công cộng.



Địa bàn hoạt động

Hiện nay, Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt hoạt động trên địa bàn thành phố Đà Lạt.

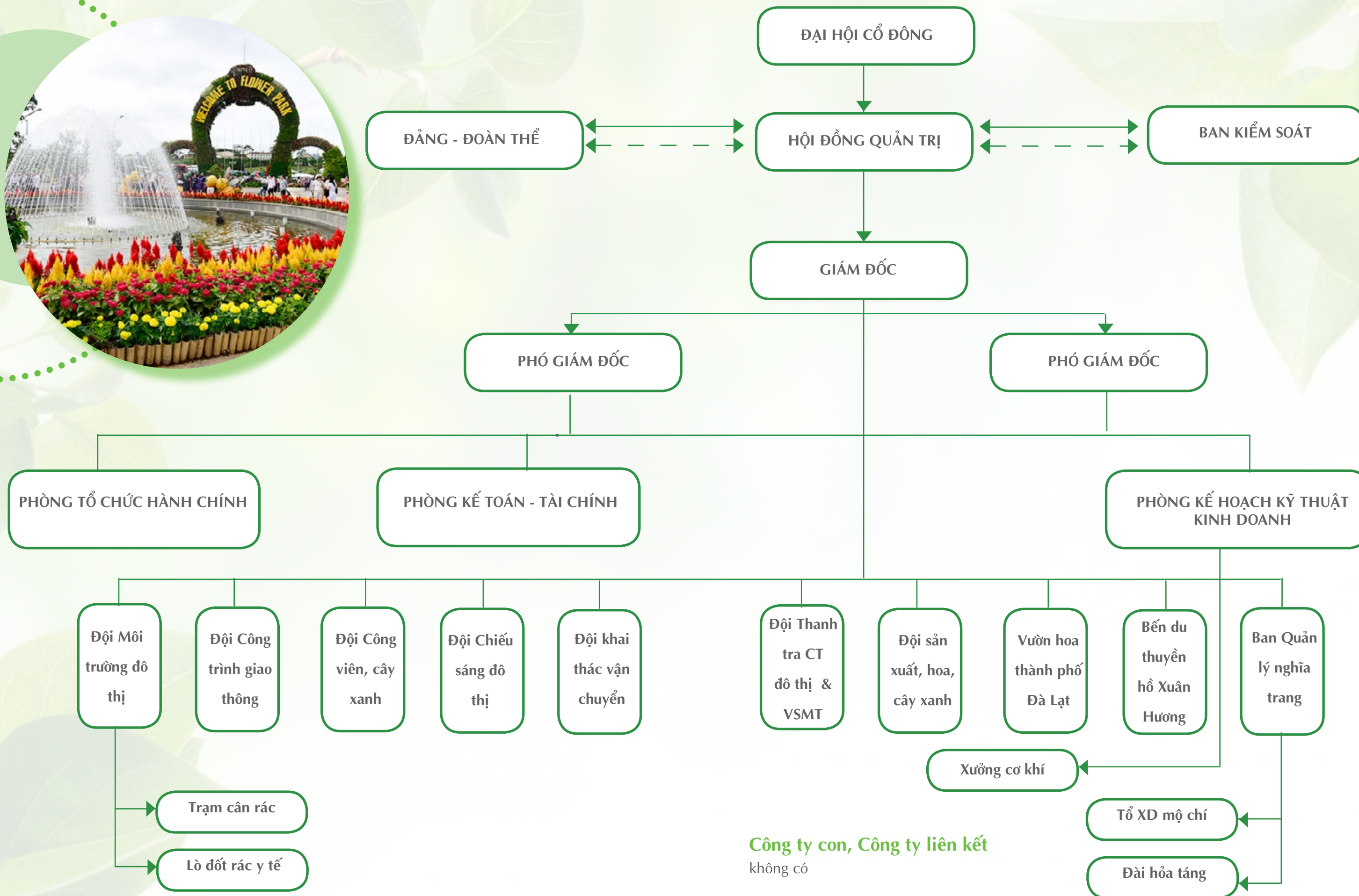




MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC



Cơ cấu tổ chức



Công ty con, Công ty liên kết không có



Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- » Tiếp tục xây dựng và phát triển Công ty là một trong những doanh nghiệp mạnh trong lĩnh vực dịch vụ công ích đô thị, lấy hiệu quả kinh tế là chuẩn mực cho sự phát triển ổn định và bền vững.
- » Duy trì và phát triển sản phẩm dịch vụ công ích đô thị gồm: vệ sinh môi trường, chăm sóc hoa, cây xanh đường phố, công viên công cộng; chiếu sáng đô thị, duy tu bảo dưỡng đường bộ, đồng thời mở rộng dịch vụ tư vấn thiết kế và thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và các hoạt động kinh doanh Vườn hoa thành phố, quản lý nghĩa trang... nhằm tối đa hóa lợi, nâng cao giá trị của Công ty.

Các mục tiêu phát triển bền vững

- » Tập trung trí tuệ và sức lực, đẩy lùi khó khăn, nắm bắt thời cơ, nâng cao nhận thức, chấn chỉnh tổ chức và khai thác tối đa các nguồn vốn, mạnh dạn đầu tư thiết bị, con người, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất, kinh doanh.
- » Từng bước xây dựng Công ty trở thành một doanh nghiệp phát triển mạnh trong lĩnh vực, vệ sinh môi trường, chiếu sáng đô thị, sản xuất và chăm sóc hoa, cây xanh đường phố, công viên công cộng; duy tu bảo dưỡng đường nội thị và mở rộng sang các lĩnh vực có thế mạnh của Công ty và địa phương.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- » Xác định hoạt động công ích là nhiệm vụ chính trị then chốt, hàng đầu, do đó Công ty tiếp tục nâng cao chất lượng và quy mô dịch vụ, trong đó chú trọng nhiều biện pháp thực hiện đồng bộ.
- » Tập trung đầu tư chỉnh trang Vườn hoa thành phố Đà Lạt giai đoạn 1 và 2, kêu gọi đầu tư Vườn hoa thành phố giai đoạn 3. Xây dựng các phương án quảng bá, đầu tư để thu hút khách du lịch. Phấn đấu trở thành khu du lịch tiêu biểu và điểm đến của du khách khi đến Đà Lạt.
- » Mở rộng sản xuất kinh doanh theo ngành nghề đã đăng ký kinh doanh nhằm tối đa hoá lợi nhuận cho doanh nghiệp. Xây dựng chương trình, kế hoạch quảng bá tiếp thị những dịch vụ hiện có của Công ty nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ ngày càng đáp ứng nhu cầu thị trường với giá cả phù hợp đảm bảo cạnh tranh.



Rủi ro về kinh tế

2019 là một năm chứng kiến nhiều sự biến động trong nền kinh tế thế giới. Tăng trưởng kinh tế chung đã chậm lại do những bất ổn trong chính trị và chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch. Tuy nhiên, nhờ chính sách điều hành kinh tế vĩ mô linh hoạt của Chính phủ cùng xuất khẩu đóng vai trò quan trọng, kinh tế Việt Nam tiếp tục có những gam màu tươi sáng trong các chỉ tiêu kinh tế như: tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP năm 2019 tăng 7,02%, vượt chỉ tiêu đã đề ra; tỷ lệ lạm phát thấp nhất trong vòng 3 năm, bình quân năm 2019 chỉ tăng 2,79%; khu vực dịch vụ tiếp tục tăng 7,3% so với năm 2018 và đóng góp 45% vào mức tăng trưởng chung.

Sự phát triển của du lịch Việt Nam nói chung và thành phố Đà Lạt nói riêng là yếu tố chính để tạo nên đà phát triển cho không chỉ ngành du lịch mà còn ngành dịch vụ công ích. Khi mật

độ dân số tăng, hệ thống hạ tầng được nâng cấp, số lượng khách du lịch đến tham quan thành phố ngày càng nhiều...thì khối lượng công việc như vệ sinh môi trường, quản lý chiếu sáng, hoạt động trang trí,... ngày càng tăng, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong thời gian tới, thành phố Đà Lạt tiếp tục tập trung tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất và đẩy mạnh phát triển du lịch. Đây là những điều kiện thuận lợi cho Công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động, phát triển các sản phẩm phù hợp và xây dựng các chiến lược phát triển trung và dài hạn cho những năm tiếp theo.

Rủi ro môi trường

Hoạt động chính của Công ty bao gồm xây dựng công trình và vệ sinh môi trường nên phụ thuộc rất nhiều vào môi trường và ý thức của người dân. Ngược lại, nếu hoạt động thu gom rác và xử lý chất thải nếu không thực hiện tốt sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân hiện tại và môi trường sống về sau.

Cùng với quá trình phát triển kinh tế, tình trạng ô nhiễm môi trường và sự cố môi trường ngày càng gia tăng. Lượng rác thải tại Đà Lạt có xu hướng tăng nhanh, khiến bãi chứa rác quá tải. Thực tế này đang đặt ra những yêu cầu cấp bách cần phải có những chính sách phù hợp nhằm thích ứng, giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường để phát triển bền vững.

Hiện nay các cơ chế chính sách đối với các loại hình dịch vụ môi trường đang được quan tâm. Nhưng trên thực tế, các dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, thành phố không hiệu quả, chậm tiến độ ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ của Công ty, ảnh hưởng đến công tác vệ sinh môi trường chung trên địa bàn thành phố.

Thành phố Đà Lạt là một thành phố du lịch, lượng khách du lịch đến Đà Lạt ngày càng tăng nhanh những năm gần đây, đặc biệt trong năm 2019 tổng lượng khách tham quan, du lịch đến Đà Lạt đạt 7,16 triệu lượt khách, tăng 10% so với năm 2018. Việc đón tiếp một lượt khách du lịch lớn như vậy và với việc ý thức giữ vệ sinh chung chưa cao, sẽ tác động trực tiếp đến môi trường thành phố. Đây là một thách thức lớn tác động đến các công ty kinh doanh, cung cấp dịch vụ công cộng trong lĩnh vực môi trường nói chung và Công ty cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt nói riêng.

Công ty đã nỗ lực để hạn chế tối đa các tác động trên bằng cách thường xuyên nâng cao năng lực về con người, trang thiết bị và các biện pháp xử lý.



Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro cạnh tranh

Trên địa bàn thành phố hiện nay có một số doanh nghiệp cùng hoạt động kinh doanh địa điểm tham quan thu hút khách du lịch với Công ty. Nhưng nhờ vào bề dày hoạt động trên thị trường và vị trí địa lý thuận lợi Vườn hoa thành phố vẫn là một trong những địa điểm du lịch nổi tiếng nhất của thành phố Đà Lạt. Tuy vậy, Công ty luôn quan tâm đến việc nâng cao chất lượng dịch vụ, thường xuyên nghiên cứu và đầu tư cải tiến chất lượng Vườn hoa, từ đó thu hút thêm nhiều khách tham quan hơn nữa.

Bên cạnh đó, Chính phủ đã và đang khuyến khích khu vực tư nhân tham gia thực hiện các dịch vụ công ích thông qua việc áp dụng hình thức đấu thầu thay vì chỉ định nhà thầu như trước đây. Điều này đòi hỏi Công ty phải tiếp tục tập trung nâng cao năng lực, cải tiến chất lượng dịch vụ để có thể trúng thầu thực hiện các dự án.

Rủi ro nguyên vật liệu

Công ty hoạt động trong lĩnh vực tiện ích công cộng nên giá đầu ra của hầu hết các dịch vụ đều bị quy định và phụ thuộc vào điều chỉnh của các cơ quan ban ngành. Trong khi đó, nguồn chi phí nguyên vật liệu sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty phát sinh thường xuyên và phải thanh toán trong ngắn hạn khiến nguồn thu đầu ra thường sẽ không theo kịp mức chi của đầu vào. Bên cạnh đó, chi phí nhân công, chi phí nguyên vật liệu đầu vào lại thay đổi liên tục, chi phí cho máy móc có xu hướng tăng do phải đổi mới các thiết bị hiện đại có giá thành cao. Để giảm thiểu rủi ro từ nguồn cung ứng, Ban lãnh đạo tập trung xây dựng, điều chỉnh chính sách, chiến lược kinh doanh và quản lý tài chính hiệu quả để đạt được những mục tiêu tăng trưởng mà ĐHCĐ đã đề ra.

Rủi ro địa lý

Thành phố Đà Lạt là thành phố du lịch nổi tiếng, hàng năm thu hút lượng lớn khách tham quan ghé thăm nên rác thải lớn hơn nhiều so với quy mô dân số tại địa phương, tạo áp lực cho Công ty. Ngoài ra để đảm bảo cho hoạt động du lịch các hoạt động thi công sửa chữa, cải tạo các Công trình đô thị cũng phải được hoàn thành nhanh dẫn đến nhu cầu nhân công và máy móc lớn, từ đó làm đội chi phí cho Công ty.

Bên cạnh các bất lợi kể trên, việc có nhiều du khách đến Đà Lạt cũng tạo cơ hội cho Công ty khi thác các hoạt động kinh doanh khác của mình, tiêu biểu là hoạt động bán vé cổng tham quan Vườn hoa thành phố. Ban lãnh đạo Công ty luôn tìm cách đưa ra các giải pháp thông qua đó biến các rủi ro có thể đến trở thành những cơ hội, từ đó đem lại nguồn lợi nhuận cho Công ty.

Rủi ro pháp luật

Công ty cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt hoạt động và chịu sự ảnh hưởng từ hệ thống Luật và văn bản dưới luật liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Bảo vệ môi trường,... Vì vậy Công ty luôn chấp hành đúng theo những quy định pháp luật, để hạn chế tối đa việc ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, uy tín doanh nghiệp cũng như các vấn đề pháp lý liên quan.

Bên cạnh đó, chính phủ hiện đang nỗ lực trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, các chính sách kinh tế, liên tục được sửa đổi, cải cách trong thời gian tới. Vì vậy, Công ty cần phải thường xuyên cập nhật và linh hoạt thích nghi để nhận diện các mối nguy hại tiềm ẩn và kịp thời tìm ra hướng giải quyết tốt nhất khi có rủi ro xảy ra.

Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch, thiên tai, hỏa hoạn,... Những rủi ro này mặc dù khó xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ có thể sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt các công tác tuyên truyền đồng thời linh hoạt trong điều chỉnh kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu nhằm hạn chế đến mức thấp nhất khả năng xảy ra của các rủi ro này.



CHƯƠNG II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- » Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- » Tổ chức và nhân sự
- » Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- » Tình hình tài chính
- » Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của CSH
- » Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Cơ cấu doanh thu thuần

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2018		Năm 2019		% năm 2019/ năm 2018
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Doanh thu hoạt động vé cổng Vườn hoa thành phố	35.951	30,83%	37.050	28,05%	103,06%
Doanh thu dịch vụ vệ sinh môi trường	28.941	24,82%	35.201	26,65%	121,63%
Doanh thu hoạt động chăm sóc hoa, cây xanh đường phố	18.118	15,54%	20.500	15,52%	113,15%
Doanh thu duy tu, sửa chữa hệ thống giao thông đường bộ	6.165	5,29%	6.577	4,98%	106,68%
Doanh thu khác	28.606	24,53%	33.373	25,26%	116,66%
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.163)	-	(593)	-	50,99%
Tổng cộng	116.618	100,00%	132.107	100,00%	113,28%

Năm 2019, Mặc dù Công ty gặp không ít khó khăn do kinh phí nhà nước giao để thực hiện nhiệm vụ công ích, nguồn kinh phí dịch vụ công ích ngân sách nhà nước giao kế hoạch hàng năm tuy ổn định nhưng còn thấp so với định mức của Nhà nước ban hành, chưa đáp ứng đủ nhu cầu thực tế thực hiện công việc trong lĩnh vực này hay giá thuê đất Vườn hoa thành phố tăng mạnh hàng năm. Nhưng tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn khả quan, doanh thu tại tất cả các khoản mục đều có mức tăng trưởng so với năm trước. Cụ thể, doanh thu thuần năm 2019 đạt hơn 132,1 tỷ đồng tăng 13,28% so với năm 2018, trong đó nguồn thu chính đến từ hoạt động bán vé cổng Vườn hoa thành phố, dịch vụ vệ sinh môi trường và hoạt động chăm sóc hoa, cây xanh đường phố chiếm hơn 70,22% so với doanh thu thuần, còn lại đến từ hoạt động duy tu, sửa chữa và doanh thu khác. Lợi thế của Công ty là dịch vụ công ích là loại hàng hóa mang tính chất dịch vụ công cộng được Tỉnh giao nhiệm vụ cho Công ty cung ứng và sản phẩm được tiêu thụ ngay, từ đó mang lại nguồn thu ổn định. Bên cạnh đó Đà Lạt là thành phố du lịch nổi tiếng hàng năm thu hút hàng triệu lượt khách tham quan tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kinh doanh vé cổng Vườn hoa thành phố.

Cơ cấu giá vốn hàng bán

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2018		Năm 2019		% năm 2019/ năm 2018
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Giá vốn hoạt động vé cổng vườn hoa thành phố	27.452	30,95%	30.304	29,48%	110,39%
Giá vốn dịch vụ vệ sinh môi trường	23.378	26,36%	27.145	26,41%	116,11%
Giá vốn hoạt động chăm sóc hoa, cây xanh đường phố	10.506	11,84%	15.276	14,86%	145,40%
Giá vốn duy tu, sửa chữa hệ thống giao thông đường bộ	5.853	6,60%	5.393	5,25%	92,14%
Giá vốn khác	21.512	24,25%	24.665	24,00%	114,66%
Tổng cộng	88.701	100,00%	102.782	100,00%	115,87%

Nhìn chung năm 2019 ghi nhận mức giá vốn hàng bán tăng nhanh hơn so với tốc độ gia tăng doanh thu thuần, đạt gần 103 tỷ đồng tăng gần 16 % so với năm 2018 trong khi doanh thu thuần chỉ tăng hơn 13%. Trong cơ cấu giá vốn, có hai khoản mục có mức tăng nhiều hơn mức tăng trưởng của doanh thu đó là hoạt động bán vé cổng Vườn hoa thành phố và hoạt động chăm sóc hoa, cây xanh đường phố. Nguyên nhân là do trong năm Công ty đã thực hiện đầu tư các hạng mục mới như mua sắm thiết bị máy móc, đầu tư hệ thống điện tử đó làm tăng chi phí của các hoạt động này. Tuy vậy, đây đều là các dự án đầu tư theo chiều hướng lâu dài, do đó khi các dự án đầu tư dần đi vào hoạt động hiệu quả sẽ mang lại nguồn doanh thu tăng trưởng cho Công ty.





Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ (tại ngày 31/12/2019)		Tỷ lệ sở hữu/VĐL
			Cá nhân	Đại diện sở hữu	
1	Ông Phạm Văn Tuyên	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	10.800	1.242.780	22,33%
2	Ông Lê Quang Thanh Liêm	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	16.100	828.520	15,05%
3	Ông Phạm Tuấn Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	8.800	-	0,16%
4	Bà Đặng Quỳnh Như	Kế toán trưởng	1.000	-	0,018%

Sơ yếu lý lịch Ban điều hành Công ty



Ông Phạm Văn Tuyên

Năm sinh: 20/08/1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân Triết học

Quá trình công tác:

Năm	Sự kiện
1988 - 1998	Bí thư Đoàn phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
1998 - 2004	Phó Bí thư Thành đoàn Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
2004 - 2008	Bí thư Đảng ủy phường 11, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
2008 - 06/2015	Phó Bí thư Đảng ủy - Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch vụ Đô thị Tp. Đà Lạt
30/6/2016 - 30/4/2017	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Giám đốc CTCP Dịch vụ Đô thị Đà Lạt
01/5/2017 đến nay	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc CTCP Dịch vụ Đô thị Đà Lạt

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Dịch vụ Đô thị Đà Lạt

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ (31/12/2019):

Cá nhân: 10.800 cổ phần, chiếm 0,19 % vốn điều lệ

Đại diện sở hữu: 1.242.780 cổ phần, chiếm 22,14 % vốn điều lệ (đại diện cho UBND tỉnh Lâm Đồng)



Ông Lê Quang Thanh Liêm

Năm sinh: 18/10/1965

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Thạc sĩ QTKD

Quá trình công tác:

Năm	Sự kiện
04/1987 - 01/1995	Kế toán Công ty Liên hiệp Xuất nhập khẩu Lâm Đồng
01/1995 - 04 /2004	Kế toán trưởng Công ty Xuất nhập khẩu Lâm Đồng
11/2002 - 04/2004	Thành viên HĐQT Công ty liên doanh Confinvest Việt Nam
04/2004 - 08/2005	Kế toán Ban thanh lý Công ty Sản xuất và kinh doanh Xuất nhập khẩu Lâm Đồng
08/2005 - 10/2006	Phụ trách kế toán Khu du lịch Đankia - Suối vàng Đà Lạt
10/2006 - 12/2010	Kế toán trưởng Công ty Quản lý Công trình Đô thị Đà Lạt
01/2011 - 06/2015	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Dịch vụ Đô thị Đà Lạt
06/2015 - 04/2017	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt
05/2017 đến nay	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Giám đốc Công ty Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc CTCP Dịch vụ Đô thị Đà Lạt

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ (31/12/2019):

Cá nhân: 16.100 cổ phần, chiếm 0,29 % vốn điều lệ

Đại diện sở hữu: : 828.520 cổ phần, chiếm 14,76% vốn điều lệ (đại diện cho UBND tỉnh Lâm Đồng)

Ông Phạm Tuấn Sơn

Năm sinh: 20/06/1964

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng cầu đường

Quá trình công tác:

Năm	Sự kiện
10/1991 - 04/1993	Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp Xây dựng Đà Lạt
05/1993 - 12/1995	Cán bộ kỹ thuật Công ty Công trình Công cộng Đà Lạt
01/1996 - 08/1998	Phó phòng Kế hoạch Kỹ thuật Công ty Công trình Công cộng Đà Lạt
09/1998 - 06/2009	Trưởng phòng Kế hoạch Kỹ thuật Công ty Quản lý Công trình Đô thị Đà Lạt
07/2009 - 12/2010	Phó Giám đốc Công ty Quản lý Công trình Đô thị Đà Lạt
01/2011 - 06/2015	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch vụ Đô thị Đà Lạt
06/2015 đến nay	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc CTCP Dịch vụ Đô thị Đà Lạt

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ (31/12/2019):

Cá nhân: 8.800 cổ phần, chiếm 0,16 % vốn điều lệ

Đại diện sở hữu: : 0 cổ phần

Bà Đặng Quỳnh Như

Năm sinh: 24/06/1982

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân Tài chính Kế toán; Thạc sĩ QTKD

Quá trình công tác:

Năm	Sự kiện
06/2004 - 12/2005	Nhân viên Ban Quản lý Vườn hoa Thành phố Công ty Quản lý Công trình Đô thị Đà Lạt
01/2006 - 12/2010	Nhân viên Phòng Tổ chức Hành chính Công ty Quản lý Công trình Đô thị Đà Lạt
01/2011 - 3/2011	Nhân viên Phòng Tổ chức Hành chính Công ty TNHH MTV Dịch vụ Đô thị Đà Lạt
4/2011 - 8/2014	Nhân viên Phòng Kế toán Tài vụ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Đô thị Đà Lạt
9/2014 - 6/2015	Phó phòng Kế toán Tài vụ, Thành viên Ban Kiểm soát Công ty TNHH MTV Dịch vụ Đô thị Đà Lạt
06/2015 - 04/2017	Phó phòng Kế toán Tài vụ Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt
05/2017 đến nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng CTCP Dịch vụ Đô thị Đà Lạt

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ (31/12/2019):

Cá nhân: 1.000 cổ phần, chiếm 0,018 % vốn điều lệ

Đại diện sở hữu: : 0 cổ phần

Danh sách thay đổi Ban điều hành: không

Số lượng người lao động

Tình hình nhân sự của Công ty cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
I	Theo trình độ lao động	415	100%
1	Trình độ trên đại học	6	1,45%
2	Trình độ đại học	54	13,01%
3	Trình độ cao đẳng/trung cấp	38	9,16%
4	Công nhân bậc cao 7/7	63	15,18%
5	Lao động phổ thông	254	61,20%
II	Theo loại hợp đồng lao động	415	100%
1	Hợp đồng không thời hạn	354	85,30%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	0	0,00%
3	Hợp đồng xác định thời hạn (từ 1-3 năm)	61	14,70%
III	Theo giới tính	415	100%
1	Nam	184	44,34%
2	Nữ	231	55,66%



TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm

Năm	2017	2018	2019
Tổng số lượng người lao động (người)	398	402	415
Thu nhập bình quân người lao động/tháng (đồng)	7.200.000	7.800.000	8.500.000

Chính sách đối với người lao động

Yếu tố con người luôn được chú trọng phát triển và được xem là yếu tố then chốt đồng hành cùng sự phát triển của DUS. Công ty luôn trân trọng sự đóng góp của tất cả mọi người vào thành công chung. Theo đó, Ban lãnh đạo luôn cố gắng tạo ra một môi trường làm việc năng động và công bằng, chuyên nghiệp và thân thiện, là nơi mà mỗi một nhân viên đều có cơ hội được làm việc, rèn luyện, phát triển sự nghiệp.

Về chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Đối với bộ phận gián tiếp và với lao động trực tiếp đều làm việc 44 giờ/tuần. Tất cả người lao động đều được nghỉ phép năm theo chế độ của nhà nước hiện hành.

Điều kiện làm việc: văn phòng làm việc sạch sẽ, thoáng mát được trang bị đầy đủ các phương tiện, dụng cụ cần thiết phục vụ cho công việc. Công tác bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, an toàn lao động được quan tâm sâu sát và luôn được tuân thủ một cách nghiêm ngặt. Người lao động làm việc tại các công trường được Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động và luôn tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc về an toàn lao động.

Về chính sách lương

Mức lương bình quân của Công ty trong năm 2019 là 8.000.000 đồng/người/tháng và thu nhập bình quân là 8.500.000/người/tháng

Thời gian làm việc của nhân viên tại Công ty là 5,5 ngày/tuần. Lương của nhân viên văn phòng được tính theo thời gian làm việc và lương của lao động trực tiếp được tính theo năng suất lao động và được xét lên lương khi đến kỳ hạn. Tiền lương làm thêm giờ được thực hiện theo đúng quy định



Về chính sách khen thưởng

Chính sách thưởng Công ty đang thực hiện bao gồm thưởng định kỳ hàng quý, năm và thưởng đột xuất: Việc xét và thưởng định kỳ của Công ty được thực hiện vào cuối năm. Mức thưởng của người lao động cao hay thấp phụ thuộc vào hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và kết quả đóng góp của người lao động nhưng không thấp hơn 01 tháng lương.

Việc thưởng đột xuất và biểu dương trước tập thể được Công ty thực hiện một cách kịp thời đối với các cá nhân có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hoàn thành xuất sắc trong hoạt động SXKD của Công ty để động viên và khuyến khích đối với người lao động có thành tích.

Chính sách đào tạo

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ như tham dự lớp CEO, CFO, Marketing, Kỹ sư xây dựng. Bên cạnh đó, Công ty tổ chức cho nhân viên tham gia các khóa huấn luyện nội bộ và bên ngoài để đáp ứng nhu cầu công việc hiện tại cũng như trong tương lai của Công ty. Cụ thể toàn bộ nhân viên Công ty được tham gia lớp học về quản lý hệ thống chất lượng ISO 9001:2015.



Về chính sách phúc lợi

Tất cả người lao động của công ty đều được ký hợp đồng lao động, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, và bảo hiểm tai nạn theo quy định. Công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động rất được Công ty quan tâm. Bên cạnh đó, người lao động trực tiếp được mua bảo hiểm tai nạn lao động theo đúng quy định hiện hành;

Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động, tổ chức đi nghỉ mát, du lịch 1 lần. Công ty thường thực hiện trợ cấp khó khăn cho người lao động, tổ chức thăm hỏi khi người lao động và người thân ốm đau, hiếu hỷ.





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Trong năm 2019, Công ty đã chi 10,227 tỷ đồng để đầu tư các hạng mục phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Xe máy thiết bị, tổng giá trị 4,814 tỷ đồng

- » Xe ép rác 14m³ (01 chiếc)
- » Xe ủi D50 phục vụ san ủi bãi rác (01 chiếc)
- » Xe ép rác 20m³ (01 chiếc)

Vườn hoa thành phố, tổng giá trị 4,064 tỷ đồng

- » Vườn chuyên đề theo quy hoạch vườn hoa thành phố giai đoạn 1 và 2, tổng giá trị 1,137 triệu đồng.
- » Cải tạo hệ thống điện tưới và chỉnh trang, trang trí tiểu cảnh, tổng giá trị 1,885 tỷ đồng.
- » Đầu tư kinh doanh ban đêm (đầu tư hệ thống đèn chiếu sáng nghệ thuật, sân khấu biểu diễn, ghế ngồi, barrie,..), tổng giá trị 1,042 tỷ đồng

Công trình vườn ươm Cam Ly - Phường 5, tổng giá trị 524 triệu đồng, đầu tư các hạng mục theo hồ sơ quy hoạch và Báo cáo kinh tế kỹ thuật đã được phê duyệt.

Đài hỏa táng, tổng giá trị 451 triệu đồng, đầu tư đại tu lò B&L, N20AA.

Lò đốt rác y tế, tổng giá trị 241 triệu đồng, lập hồ sơ giấy phép hành nghề xử lý

Đầu tư hạ tầng phần diện tích đất thu hồi tại các nghĩa trang, tổng giá trị 132 triệu đồng.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,76	1,92
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,63	1,79
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	24,14	35,14
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	31,83	54,18
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	36,63	24,13
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,14	1,82
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	12,60	11,77
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	19,34	19,93
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	14,43	13,92
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	15,64	15,20

01

Khả năng thanh toán

Các chỉ tiêu thanh toán là các chỉ tiêu được quan tâm của mọi doanh nghiệp, phản ánh năng lực trả nợ của doanh nghiệp dựa trên mối quan hệ giữa các chỉ số nợ và tài sản ngắn hạn. Vào thời điểm cuối năm 2019, cả hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của Công ty đều giảm so với cùng kỳ năm 2018. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 2,76 lần xuống còn 1,72 lần và hệ số thanh toán nhanh giảm

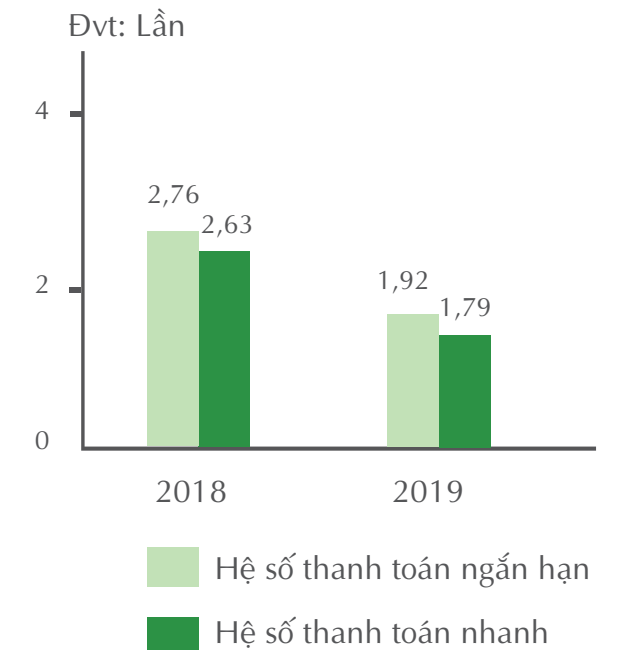
từ 2,63 lần xuống còn 1,79 lần. Nguyên nhân là trong năm Công ty phát sinh thêm các khoản phải trả người bán ngắn hạn cho các dự án đầu tư đang thi công dẫn đến nợ ngắn hạn tăng nhiều hơn so với mức tăng của nợ dài hạn. Tuy nhiên các hệ số này đều ở mức cao chứng tỏ Công ty hoàn toàn đủ nguồn lực chi trả cho các hoạt động phát sinh.

02

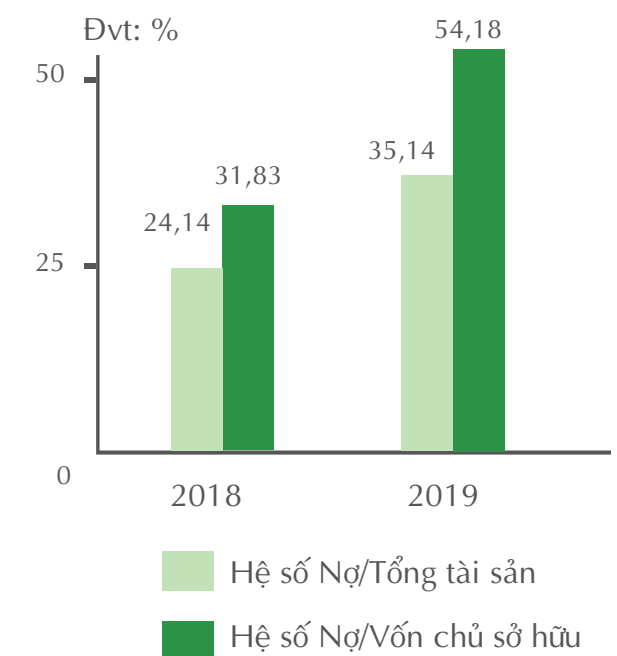
Cơ cấu vốn

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn phản ánh mối quan hệ của tổng nợ với tổng tài sản và vốn chủ sở hữu. Tại ngày 31/12/2019, hệ số nợ/Tổng tài sản tăng từ 24,14% lên 35,14% và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu tăng từ 31,83% lên 54,18% so với thời điểm cuối năm 2018. Giải thích cho mức tăng này là do khoản phải trả ngắn hạn cho người bán tính tại thời điểm cuối năm 2019 tăng mạnh so với năm 2018 làm cho nợ ngắn hạn của Công ty cũng tăng theo đó. Tuy nhiên, khoản tăng nợ ngắn hạn này do Công ty tham gia đầu tư các dự án đầu tư, Công ty cũng không có bất kỳ khoản nợ vay nào và có lượng lớn tài sản thanh khoản cao sẵn sàng chi trả cho các khoản phát sinh này. Nhìn chung Công ty chủ yếu sử dụng nguồn lực tự có để thực hiện các hoạt động kinh doanh và không sử dụng đòn bẩy tài chính.

Biểu đồ chỉ tiêu về khả năng thanh toán



Biểu đồ chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn





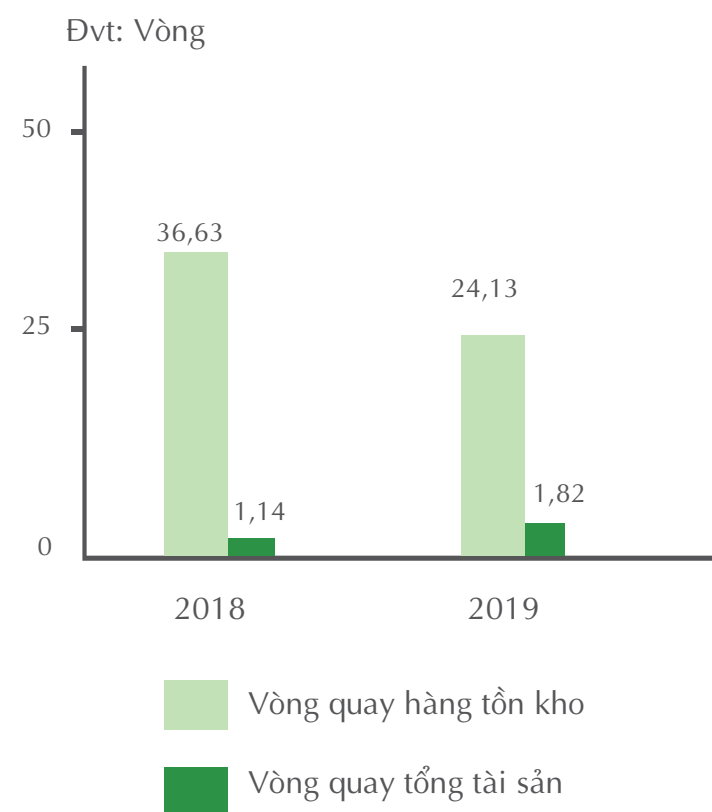
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

03

Năng lực hoạt động

Nhóm chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty có sự biến động trái chiều, trong khi vòng quay tổng tài sản có sự tăng trưởng nhẹ từ 1,14 vòng năm 2018 lên 1,82 vòng ở năm 2019 thì vòng quay hàng tồn kho lại có xu hướng ngược lại khi giảm từ 36,63 vòng xuống còn 24,13 vòng. Nguyên nhân là do trong năm Công ty gia tăng hoạt động sản xuất từ đó làm cho hàng tồn kho cuối năm 2019 tăng hơn 2 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2018, tập trung chủ yếu ở khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Nhìn chung, vòng quay tổng tài sản của Công ty ở mức thấp trong khi vòng quay hàng tồn kho lại khá cao phản ánh đặc trưng chung của lĩnh vực dịch vụ Đô thị.

Biểu đồ chỉ tiêu về năng lực hoạt động

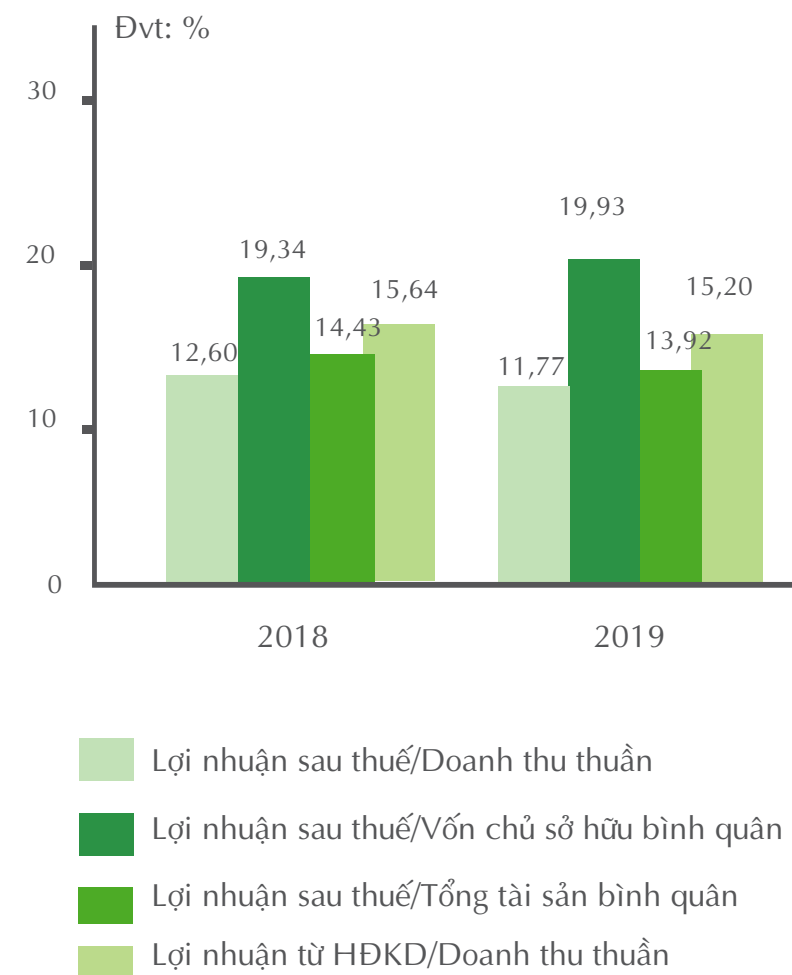


04

Khả năng sinh lời

Nhóm chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty năm 2019 không có biến động nhiều so với năm 2018. Cụ thể, tỷ suất lợi nhuận sau thuế và tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty giảm nhẹ lần lượt từ 12,60% xuống 11,77% và từ 15,64% xuống còn 15,20%. Trong khi đó tỷ suất sinh lời trên VCSH tăng từ 19,34% lên 19,93% còn tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản lại giảm từ 14,43% xuống 13,92%. Mặc dù có sự thay đổi, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty vẫn ở mức cao so với các doanh nghiệp cùng ngành, phản ánh hoạt động kinh doanh hiệu quả cao.

Biểu đồ chỉ tiêu về khả năng sinh lời





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cơ cấu cổ phần

Tổng cổ phần	: 5.614.300 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 5.614.300 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ	: 13.100 cổ phiếu
Loại cổ phần	: phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng

Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 31 / 12 / 2019

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
I	Cổ đông trong nước	87	5.601.200	56.012.000.000	99,76%
1	Cổ đông tổ chức	3	5.070.600	50.706.000.000	90,31%
2	Cổ đông cá nhân	84	530.600	5.306.000.000	9,45%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0%
1	Tổ chức	-	-	-	-
2	Cá nhân	-	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ		13.100	131.000.000	0,23%
	Tổng cộng	87	5.614.300	56.143.000.000	100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu không

Giao dịch cổ phiếu quỹ

- Số lượng : 6.000 cổ phiếu (chiếm 0,107% vốn điều lệ)
- Giá mua : 10.000 đồng/cổ phiếu

Các chứng khoán khác: không



TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Tiêu thụ nước

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Hiện nay Công ty chủ yếu sử dụng trang thiết bị và nguồn nguyên vật liệu được sản xuất trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh như vật liệu xây dựng (cát, đá, xi măng,...), vật tư thiết bị sửa chữa xe chuyên dùng, vật tư thiết bị điện,... đúng theo quy định của pháp luật, bảo đảm về số lượng, chất lượng theo yêu cầu đề ra. Công nghệ sản xuất trong nước từng bước được cải tiến nhưng do môi trường làm việc đặc thù nên vật tư, thiết bị, công cụ, phương tiện chuyên dùng của Công ty hay bị hư hỏng. Việc thay thế những trang thiết bị này tốn kém chi phí rất lớn. Do đó, Công ty luôn vận động tập thể người lao động sử dụng công cụ, thiết bị cẩn trọng và hiệu quả, đóng góp sáng kiến sửa chữa tái sử dụng, tái chế những công cụ dụng cụ, thiết bị đã hỏng, nhằm giảm thiểu phát thải ra môi trường và tiết kiệm cho Công ty.

Tiêu thụ năng lượng

Công ty làm tốt công tác quản lý, vận hành hệ thống điện chiếu sáng trên địa bàn thành phố Đà Lạt theo đúng phương án được Tỉnh phê duyệt; luôn có kế hoạch tiết giảm hợp lý theo từng khu vực và thời gian, đảm bảo an toàn cho hoạt động của người dân, đảm bảo ANTT, TTATXH và đảm bảo mỹ quan đô thị, đồng thời tiết kiệm chi phí từ ngân sách cho địa phương. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh công ty luôn quán triệt đến cán bộ, người lao động nêu cao ý thức, trách nhiệm trong việc sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn năng lượng; đầu tư lựa chọn thiết bị hiện đại, tiêu hao ít năng lượng thay thế dần cho thiết bị lạc hậu, kém hiệu quả như từng bước điều chuyển thay thế bóng đèn LED trong hệ thống chiếu sáng Thành phố, từ đó đã góp phần giảm chi phí sản xuất, tăng năng xuất, chất lượng công việc và sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn năng lượng.

Tổng chi phí điện:

- Điện sản xuất kinh doanh : 738.664.031 đồng
- Điện đường : 14.926.321.374 đồng

Chi phí điện tiết kiệm được thông qua sáng kiến sử dụng điện có hiệu quả: 223.000 kw/h/năm (điều chỉnh giờ đóng, ngắt hệ thống chiếu sáng đô thị và lắp đặt hệ thống hệ thống đèn led).

Xử lý rác thải, chất thải trong quá trình sản xuất của Công ty trong năm

Công ty là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực môi trường, luôn quan tâm thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường trong công tác quản lý chất thải.



Công ty sử dụng nước trong các hoạt động tưới tiêu, chăm sóc cây cảnh, vệ sinh đường phố và phục vụ cho hoạt động hàng ngày của người lao động. Công ty luôn quan tâm sử dụng đúng, đủ lượng nước theo nhu cầu, không lãng phí nguồn tài nguyên nước. Trong những năm gần đây, biến đổi khí hậu diễn biến khó lường chính vì thế, Công ty luôn quan tâm thực hiện chính sách tiết kiệm nước, khuyến khích tập thể người lao động Công ty sử dụng hợp lý nguồn nước ngọt, tránh gây lãng phí nguồn tài nguyên này.

Tổng chi phí nước: .

- Nước SXKD : 384.584.099 đồng
- Nước tưới công viên công cộng : 431.890.164 đồng

Nguồn cung cấp nước: nước cấp và nước giếng, ao, hồ.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, trong năm đã thực hiện các thủ tục của các dự án theo quy định, không bị xử phạt.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động xã hội, từ thiện, thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương luôn được Công ty quan tâm thực hiện các năm qua, cụ thể:

- Hằng năm tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho các gia đình hộ nghèo, gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh.
- Ủng hộ các trung tâm, các cơ sở từ thiện, hội người cao tuổi, học sinh nghèo hiếu học,...
- Vận động nhân viên Công ty đóng góp quỹ tương trợ xã hội.
- Thăm hỏi, hỗ trợ người lao động ốm đau,....

CHƯƠNG III

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- » **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2019**
- » **Tình hình tài chính**
- » **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý**
- » **Kế hoạch phát triển trong tương lai**
- » **Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty**
- » **Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán**



Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019

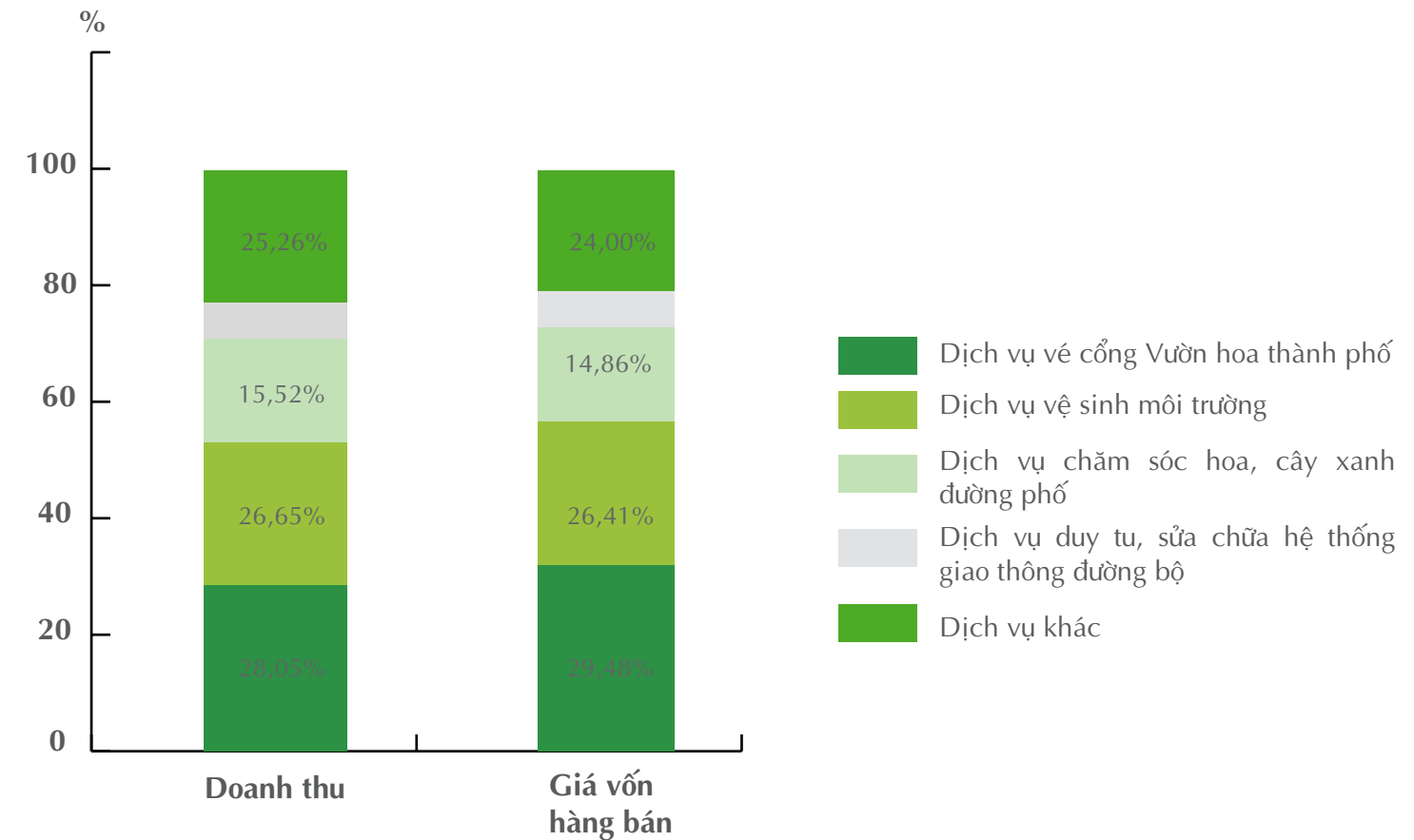
Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2018	KH 2019	TH 2019	%TH 2019/ TH 2018	%TH 2019/ KH 2019
Vốn điều lệ	56.143	56.143	56.143	100%	100%
Doanh thu thuần	116.618	125.500	132.107	113,28%	105,26%
Lợi nhuận sau thuế	14.699	15.200	15.553	105,81%	102,32%
Tỷ lệ cổ tức (%)	17	17	18	106%	106%

Tổng kết năm 2019, tập thể người lao động Công ty đã hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu do ĐHĐCĐ đề ra đầu năm cũng như vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm 2018. Cụ thể, về doanh thu thuần đạt hơn 132 tỷ đồng vượt hơn 13% so với năm 2018 và vượt kế hoạch đề ra hơn 5%. Về lợi nhuận sau thuế đạt hơn 15,5 tỷ đồng vượt hơn năm 2018 và kế hoạch ĐHĐCĐ đề ra lần lượt 5,81% và 2,32%. Về hoạt động chi trả cổ tức, Công ty xuất sắc hoàn thành chỉ tiêu đề ra, dự kiến chi trả cổ tức với tỷ lệ 18%. Để có kết quả ấn tượng như trên, các lĩnh vực kinh doanh của Công ty đều có những bước tăng trưởng đáng tuyên dương như sau:

- » Về hoạt động kinh doanh vé cổng Vườn hoa thành phố, thu về 37,05 tỷ đồng, đạt 103,06%
- » Về hoạt động dịch vụ vệ sinh môi trường, thu về 35,2 tỷ đồng đạt 121,63%
- » Về hoạt động chăm sóc hoa, cây xanh đường phố, thu về 20,5 tỷ đồng đạt 113,15%
- » Về hoạt động duy tu, sửa chữa hệ thống giao thông đường bộ, thu về 6,5 tỷ đồng đạt 106,68%
- » Về hoạt động khác, thu về 33,4 tỷ đồng đạt 116,66%

Cơ cấu doanh thu và giá vốn hàng bán năm 2019





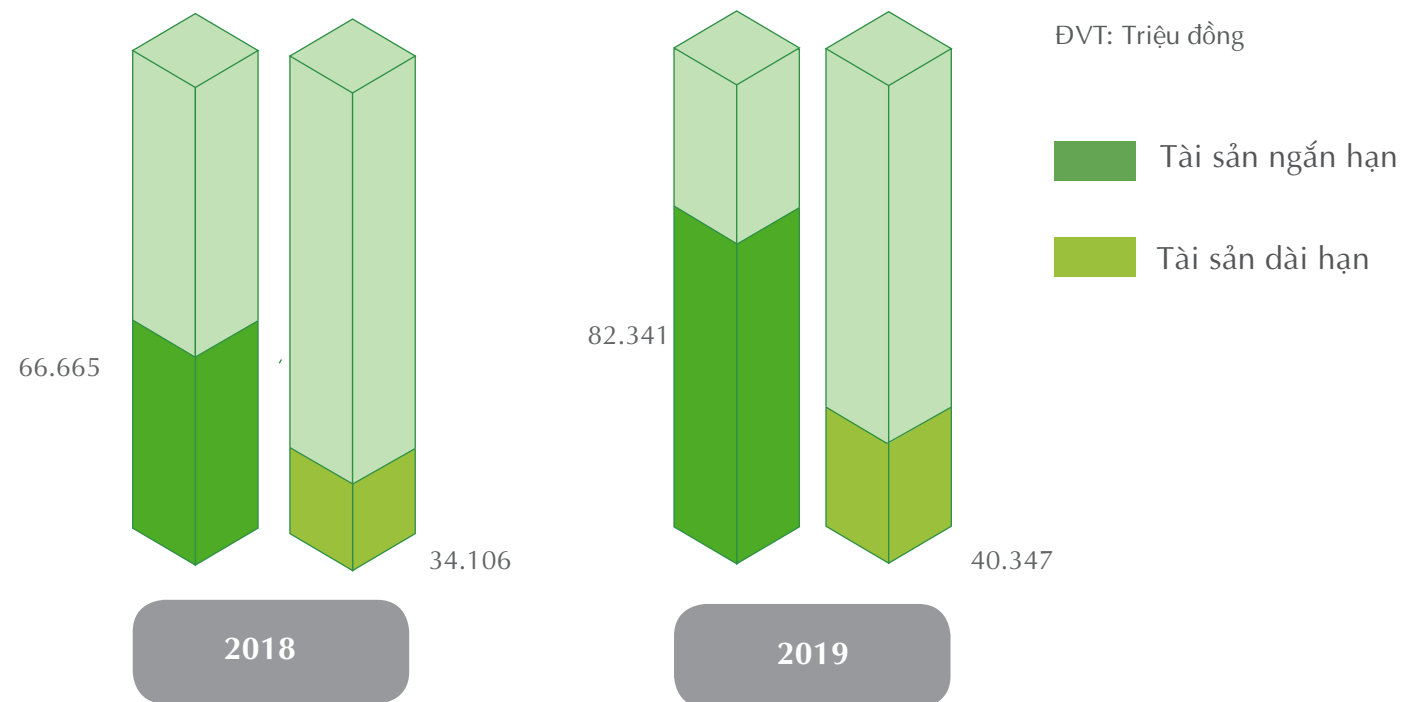
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tỉ lệ 2019/2018
Tài sản	100.771	122.688	121,75%
Tài sản ngắn hạn	66.665	82.341	123,51%
Tài sản dài hạn	34.106	40.347	118,30%

Tình hình tài sản



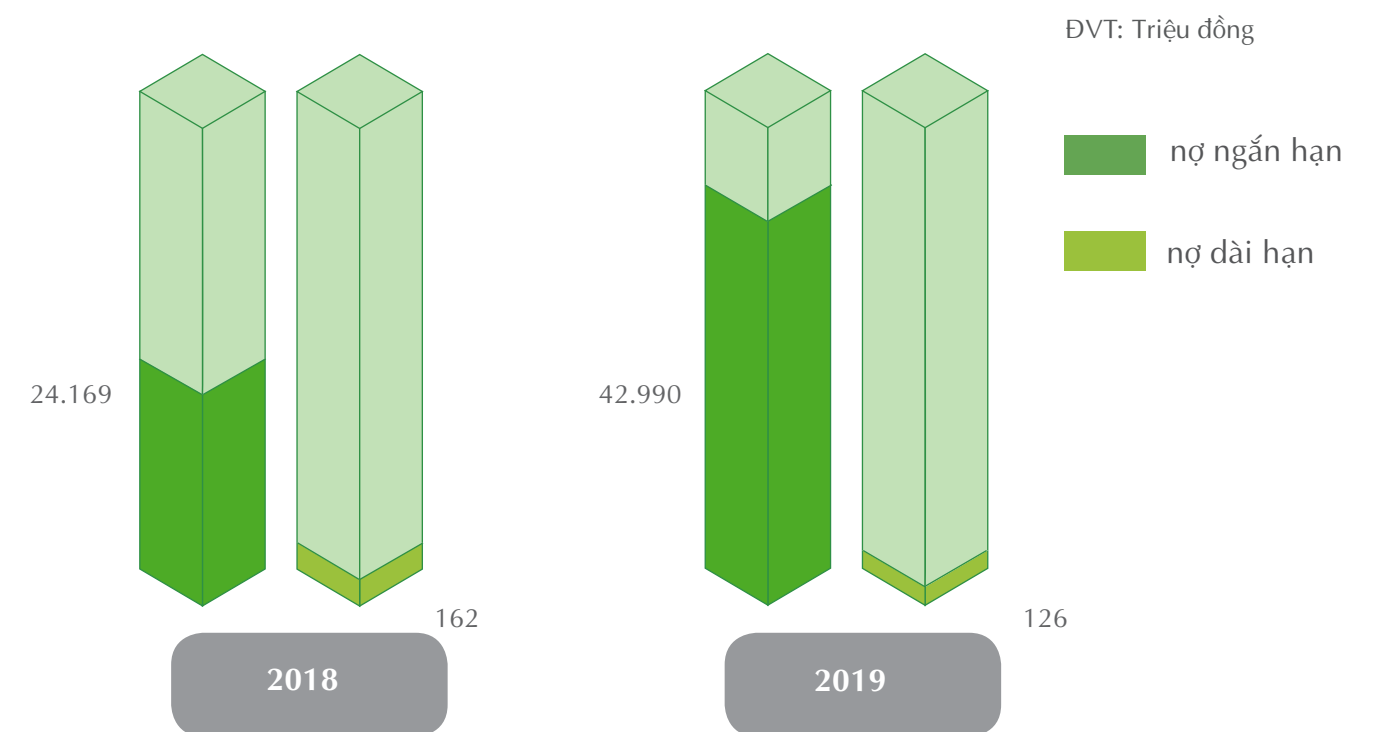
Cuối năm 2019, tổng tài sản của Công ty đạt xấp xỉ 122,7 tỷ đồng, tăng gần 22 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2018 tương ứng với mức tăng 21,75%. Đóng góp cho mức tăng này đến từ mức tăng của cả tài sản ngắn hạn lẫn dài hạn trong đó chủ yếu là tài sản ngắn hạn, cụ thể, tại ngày 31/12/2019 tài sản ngắn hạn của Công ty đạt 82,3 tỷ đồng tăng 23,51% so với thời điểm cuối năm trước. Trong cơ cấu tài sản, tài sản ngắn hạn cũng chiếm tỷ trọng cao hơn gấp đôi so với tài sản dài hạn, phản ánh tài sản của Công ty đa số có tính thanh khoản cao, linh hoạt dòng tiền. Đặc biệt trong năm 2019, Công ty đã tăng số tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại các ngân hàng từ 38,5 tỷ đồng lên hơn 46 tỷ đồng. Khoản tiền gửi này không chỉ mang lại nguồn tiền lãi trong ngắn hạn mà còn giúp Công ty có sẵn nguồn tiền phục vụ cho các hoạt động đầu tư trong tương lai.

Tình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tỉ lệ 2019/2018
Tổng nợ	24.331	43.116	177,21%
Nợ ngắn hạn	24.169	42.990	177,87%
Nợ dài hạn	162	126	77,78%

Tình hình nguồn vốn



Tại thời điểm 31/12/2019, tổng nợ phải trả của Công ty đạt hơn 43 tỷ đồng, tăng hơn 77% so với cuối năm trước. Trong cơ cấu nợ cuối năm 2019 nợ ngắn hạn chiếm hơn 99,71% còn lại là nợ dài hạn. Tổng nợ phải trả tăng do trong năm Công ty đã thực hiện đầu tư nhiều hạng mục như đầu tư mua xe ép rác, đầu tư Công trình nhà vệ sinh số 1 - Vườn hoa thành phố, Công trình vườn ươm Cam Ly và các hoạt động đầu tư, sản xuất khác dẫn đến tăng khoảng phải trả ngắn hạn cho các Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khác. Cụ thể tại thời điểm cuối năm 2019, tổng nợ phải trả ngắn hạn của Công ty đã tăng gần 11,7 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, góp đến 48,41% trong mức tăng nợ ngắn hạn và là nguyên nhân chủ yếu làm gia tăng nợ cho của Công ty.

Tiếp tục hoàn thiện, ban hành các quy chế nội bộ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, làm cơ sở để đẩy mạnh hiệu quả quản lý doanh nghiệp và hiệu quả hoạt động kinh doanh. Trong đó, Công ty đã ban hành Quy định về sửa chữa phương tiện, máy móc của công ty; Quy chế Quản lý nghĩa trang....

Tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng trình độ kỹ thuật, tay nghề chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào SXKD và công tác điều hành, tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, linh hoạt trong quá trình thực hiện

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Về sản xuất kinh doanh: Tiếp tục duy trì và phát triển các ngành nghề SXKD đã đăng ký và đang thực hiện. Cơ cấu, lựa chọn ngành nghề sản xuất kinh doanh phù hợp, chú trọng những ngành nghề mà Công ty có thế mạnh như vệ sinh môi trường, sản xuất và chăm sóc hoa cây xanh, điện chiếu sáng đô thị, duy tu bảo dưỡng đường nội thị, xử lý rác thải, thi công các công trình xây dựng cơ bản và các dịch vụ khác. Nâng cao chất lượng sản phẩm, giữ vững uy tín và địa bàn đang hoạt động của Công ty, từng bước mở rộng địa bàn hoạt động khi có đủ điều kiện.

Về quản lý tài chính: Tiếp tục hoàn thiện năng lực tài chính của Công ty, quản lý tốt các nguồn đầu tư, sử dụng các công cụ phân tích, dự báo phục vụ cho công tác hoạch định kinh doanh, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Về tổ chức bộ máy hoạt động: Duy trì ổn định cơ cấu bộ máy tổ chức hoạt động phù hợp với tình hình hoạt động của đơn vị, tiếp tục củng cố xây dựng đội ngũ người lao động có đủ trình độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đoàn kết thống nhất, yêu ngành yêu nghề, tận tâm vì mục tiêu phát triển đơn vị

Ngày 11/03/2020, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đã chính thức tuyên bố đại dịch toàn cầu đối với dịch viêm đường hô hấp cấp (COVID - 19) do chủng mới vi rút Corona gây ra. Năm 2020 dự kiến là một năm rất khó khăn, hầu hết các Doanh nghiệp tại Việt Nam ít nhiều đều chịu ảnh hưởng từ đại dịch này. Hiện nay tình hình dịch bệnh vẫn còn diễn biến phức tạp và chưa biết thời điểm kết thúc, nên Công ty khó dự đoán được chi tiết các chỉ tiêu hoạt động cho năm 2020.

Kế hoạch phân phối lợi nhuận (*)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số tiền
1. Lợi nhuận sau thuế TNDN được phân phối	15.878.129.061
Trích lập các quỹ	5.557.345.171
Quỹ đầu tư phát triển	2.381.719.359
Quỹ dự phòng rủi ro	0
Quỹ thưởng Ban điều hành	793.906.453
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.381.719.359
3. Tỷ lệ chi trả cổ tức	18%
4. Cổ tức	10.082.160.000
5. Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	238.623.890

(* Các chỉ tiêu này sẽ được HĐQT trình Đại hội cổ đông thường niên 2020)





Biện pháp thực hiện

DUS ban hành các chính sách đãi ngộ đặc biệt đối với người lao động nhằm thu hút nhân tài bên ngoài và giữ nguồn nhân lực nòng cốt hiện có, giúp người lao động an tâm, tin tưởng và gắn bó ổn định với Công ty. Ngoài ra, Công ty thực thi các nội quy lao động, quy chế thưởng phạt nghiêm minh, thiết lập tổ chức hoạt động Công ty ngày càng chặt chẽ, lành mạnh.

Để hoàn thiện và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, Ban Giám đốc Công ty phải có kế hoạch tuyển dụng mới nhằm bổ sung vào các bộ phận thiếu và yếu, đồng thời thay thế nhân sự không phù hợp, hết tuổi lao động, nghỉ hưu ...

Ban Lãnh đạo tập trung sắp xếp củng cố bộ máy quản lý đủ mạnh để thực hiện nhiệm vụ phát triển của Công ty. Mạnh dạn luân chuyển, điều động cán bộ quản lý nhằm đổi mới cơ chế quản lý theo hướng tăng cường sự chủ động tích cực trong tổ chức và điều hành của các Đội chuyên quản nhằm tạo ra năng suất, chất lượng cao đem lại hiệu quả và lợi nhuận cho Công ty.

Công ty không ngừng áp dụng các biện pháp cải tiến và hoàn thiện công tác tổ chức, hoạt động của các Phòng, Đội nâng cao hiệu quả của từng Phòng, từng cá nhân như sắp xếp bộ máy, bố trí nhân sự phù hợp, nâng cao trình độ Người lao động của Công ty.

Ngoài ra, các chính sách khen thưởng kịp thời những sáng kiến làm tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng được đề xuất tại Công ty.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

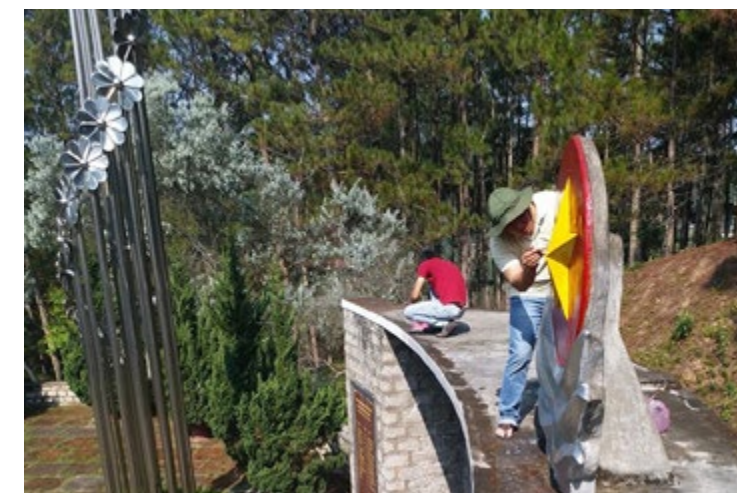
Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty luôn sử dụng nguồn nguyên vật liệu đúng theo quy định của pháp luật, đảm bảo về số lượng và chất lượng đã được đề ra.

Dù hoạt động trong lĩnh vực đô thị và chăm sóc cây xanh, nhưng công ty luôn sử dụng đúng, đủ lượng nước được quy định. Tuyệt đối không lãng phí nguồn tài nguyên nước. Ban lãnh đạo công ty còn đề ra các chính sách tiết kiệm nước trong khối vận hành, sản xuất, thay mới các thiết bị nước và ống nước để tránh trường hợp thiết bị nước bị cũ dẫn đến rò rỉ. Là công ty hoạt động trong ngành môi trường, hơn ai hết công ty hiểu rõ tầm quan trọng của môi trường đối với con người, vì thế công ty luôn đặt mục tiêu bảo vệ môi trường lên hàng đầu, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo vệ môi trường. Trong mỗi dịch vụ công ích, thu gom rác thải, Công ty thường xuyên nhắc nhở người dân về việc bảo vệ môi trường, kí kết HĐ đổ rác, đổ rác đúng thời gian và đúng vị trí quy định.

Đánh giá liên quan đến người lao động

Bên cạnh các chế độ lương, thưởng và phúc lợi, Công ty vẫn thực hiện các chế độ khác theo quy định của nhà nước như: Nộp tiền kinh phí Công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thai sản, tiền bảo hiểm con người khi có ốm đau tai nạn, tiền trợ cấp thôi việc, tiền ăn giữa ca, chế độ bảo hộ lao động, bồi dưỡng thêm cho Người lao động làm việc ngoài giờ, làm tăng ca. Thêm vào đó, công ty cũng thường xuyên tổ chức các buổi tặng quà cho con của người lao động trong các dịp Quốc tế thiếu nhi, tết trung thu, hoặc tặng các phần quà hỗ trợ cho con, em của người lao động.





Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty thường xuyên tham gia các hoạt động do các Sở, Ban ngành và thành phố tổ chức. Công ty cũng thường xuyên tham gia trong các hoạt động làm sạch môi trường, nâng cao ý thức người dân. Cùng chung tay với người dân khắc phục những hậu quả do bão lũ gây ra.

Bên cạnh đó công ty cũng thường xuyên có các hoạt động hỗ trợ cộng đồng địa phương như ủng hộ hội khuyến học, trao quà cho con người lao động có thành tích xuất sắc, trao quà cho hộ nghèo và các cá nhân thuộc diện khó khăn khác trên địa bàn, cụ thể như công ty nhận phụng dưỡng suốt đời Mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Đỗ tại phường 11, thành phố Đà Lạt với mức trợ cấp 1.000.000 đồng/tháng. Tổ chức thăm hỏi 08 cá nhân có hoàn cảnh

khó khăn, bệnh tật và 05 tổ chức xã hội trên địa bàn TP Đà Lạt nhân dịp Tết Nguyên Đán Kỷ Hợi 2019 với số tiền là 35 triệu đồng;

Người lao động Công ty tham gia đóng góp Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” thành phố Đà Lạt là 40 triệu đồng; Quỹ “Vì người nghèo” thành phố Đà Lạt là 40 triệu đồng; Quỹ Phòng, chống thiên tai là 67,6 triệu đồng. Phối hợp với Cơ quan Quân sự thành phố Đà Lạt hỗ trợ xây dựng 01 nhà chính sách ở phường 11 thành phố Đà Lạt với số tiền 70 triệu đồng; có 27 người lao động tham gia Hiến máu nhân đạo.



GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019, Công ty kiểm toán độc lập đã có ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo này; vì vậy, Ban Giám đốc không có ý kiến thêm.

CHƯƠNG IV

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- » Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
- » Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc
- » Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị



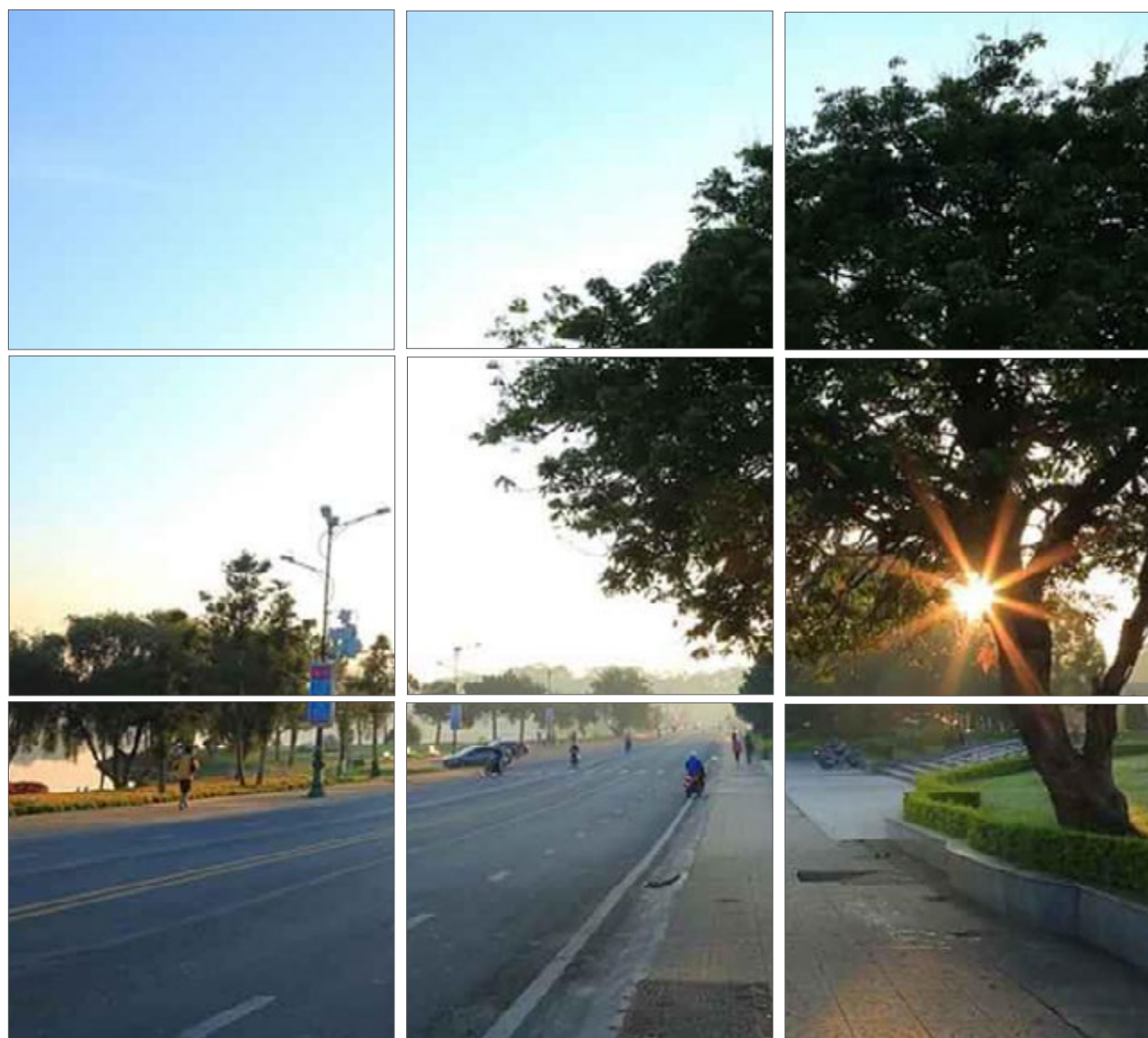


ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Nhận định của Hội đồng quản trị

Về vị thế của doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị thành phố Đà Lạt là doanh nghiệp hoạt động chính trên lĩnh vực công ích đô thị trên địa bàn thành phố Đà Lạt đã xây dựng được hình ảnh, cũng như thương hiệu nhất định và đã được Tỉnh, Thành phố ghi nhận, đánh giá cao kết quả hoạt động. Bên cạnh đó lĩnh vực kinh doanh dịch vụ của Công ty cũng có nhiều lợi thế, trong đó điểm du lịch Vườn hoa thành phố Đà Lạt là địa điểm tham quan nổi tiếng của Đà Lạt, hàng năm thu hút trên 1 triệu lượt khách trong và ngoài nước tham quan; các dịch vụ kinh doanh khác có lợi thế như dịch vụ vệ sinh môi trường, hoa, cây xanh, thi công công trình... cũng từng bước khẳng định thương hiệu và đóng góp vào doanh thu của Công ty hàng năm.



Về triển vọng phát triển

Xét trên bình diện toàn thành phố thì Công ty là doanh nghiệp duy nhất được Tỉnh giao nhiệm vụ cung ứng dịch vụ công ích phục vụ trên địa bàn thành phố Đà Lạt, đây là các lĩnh vực đặc thù nhằm đảm bảo mỹ quan đô thị, góp phần xây dựng văn đô thị và phục vụ chính trị, xã hội cho địa phương nhất là đối với Đà Lạt là một thành phố du lịch, nghỉ dưỡng.

Các lĩnh vực công ích đô thị như vệ sinh môi trường; chăm sóc hoa, cây xanh đường phố và công viên công cộng; quản lý vận hành hành và phát triển hệ thống điện chiếu sáng công cộng; duy tu bảo trì bảo dưỡng đường bộ là loại hàng hoá mang tính chất dịch vụ công cộng, sản phẩm được nhân dân và các ngành kinh tế tiêu thụ ngay. Cũng do tính đặc thù của sản phẩm dịch vụ công ích nên đã tạo được khá nhiều thuận lợi cho công ty tiến hành hoạt động sản xuất mang tính ổn định, nâng cao hiệu quả, đảm bảo doanh thu hàng năm cũng như ổn định sản xuất, đảm bảo việc làm và thu

nhập cho người lao động. Đồng thời, với lợi thế từ các lĩnh vực công ích này, Công ty sẽ tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, cung ứng các dịch vụ theo nhu cầu của thị trường.

Đà Lạt là thành phố du lịch nổi tiếng, hàng năm thu hút hàng triệu lượt khách tham quan trong và ngoài nước, cùng với cơ sở hạ tầng đang được Nhà nước quan tâm nâng cấp xứng tầm đô thị loại 1 nên đối với các hoạt động của công ty hiện có đang chiếm lợi thế, triển vọng phát triển của công ty tương đối lớn, các lĩnh vực công ích đô thị vẫn sẽ là các lĩnh vực quan trọng. Bên cạnh đó, đối với điểm tham quan du lịch Vườn hoa thành phố là điểm du lịch nổi tiếng, đã có thương hiệu, với vị trí địa lý thuận lợi, hàng năm thu hút lượng khách khá lớn vào tham quan, góp phần lớn hiệu quả trong hoạt động chung của Công ty. Trong những năm sắp tới, ngành du lịch vẫn là một trong những ngành có sự đóng góp lớn vào trong sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam nói chung và thành phố Đà Lạt nói riêng.

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

VỀ hoạt động sản xuất kinh doanh

Trước sự biến động phức tạp của tình hình kinh tế vĩ mô cũng như các khó khăn đến từ yếu tố khách quan bên ngoài, Công ty vẫn hoàn thành vượt các kế hoạch chỉ tiêu sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đề ra, cụ thể:

- » Tổng doanh thu thuần đạt: **132,107 tỷ đồng**, vượt kế hoạch **5,26%**
- » Lợi nhuận sau thuế đạt: **15,553 tỷ đồng**, vượt kế hoạch **2,32%**

VỀ hoạt động chi trả cổ tức, Công ty dự kiến chi trả cổ tức với tỉ lệ **18%**, đạt **106%** so với kế hoạch đề ra đầu năm.

VỀ công tác cán bộ, nhân viên

- » Tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước về chính sách đối với người lao động. Ưu tiên chăm lo đời sống của người lao động, nhất là lực lượng lao động trực tiếp theo hướng gia tăng lợi ích.
- » Quyền lợi của người lao động trong Công ty đều được đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật lao động được Công ty ký HĐLĐ, kê khai nộp đầy đủ, kịp thời bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,... và đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả các chế độ cho người lao động được đảm bảo kịp thời, đúng quy định.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực trong quản lý, mạnh dạn khai thác, đầu tư tìm thêm thị trường mới, tăng cường nguồn doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh. góp phần nâng cao thu nhập cho người lao động của Giám đốc, Ban Điều hành cùng các đồng chí lãnh đạo các đơn vị.

Ban điều hành đã có các chỉ đạo mang lại hiệu quả cao trong kinh doanh, giúp Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch mà ĐHĐCĐ và HĐQT giao cho trong bối cảnh hoạt động kinh doanh còn nhiều khó khăn, do ngân sách Thành phố còn hạn chế nên Ngân sách giao kế hoạch chi thường xuyên về công tác dịch vụ công ích đô thị cho Công ty chưa tương xứng so với định mức của Nhà nước ban hành, chưa đáp ứng đủ nhu cầu thực tế thực hiện công việc trong lĩnh vực này. Cụ thể:

VỀ công tác điều hành

- » Giám đốc điều hành thực hiện nghiêm, có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- » Hàng tháng, báo cáo HĐQT tình hình điều hành và kết quả SXKD thông qua cuộc họp Giao ban để có cơ sở đề xuất và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty đề ra và phương hướng nhiệm vụ hàng tháng, quý.
- » Điều hành hoạt động của Công ty đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- » Chấp hành đầy đủ và nghiêm túc các quy định pháp luật của các cơ quan nhà nước về chế độ báo cáo tài chính, hợp đồng... cũng như quy định của ủy ban chứng khoán nhà nước về việc công bố thông tin đối với Công ty cổ phần đại chúng.

VỀ sản xuất, kinh doanh

Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động SXKD một cách linh hoạt, tích cực kịp thời, đảm bảo đúng quy định. Chỉ đạo hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

VỀ chính sách đối với người lao động

- » Tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước về chính sách đối với người lao động. Ưu tiên đảm bảo việc làm, chăm lo đời sống của người lao động, nhất là lực lượng lao động trực tiếp theo hướng gia tăng lợi ích.
- » Quyền lợi của người lao động trong Công ty đều được đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật quy định.



KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2020 là năm Công ty sẽ gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp trên quy mô toàn cầu, ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, trong đó Công ty cũng bị ảnh hưởng về hoạt động sản xuất nhất là giảm lượt khách tham quan Vườn hoa thành phố làm giảm đáng kể doanh thu và lợi nhuận năm 2020. Vì vậy Hội đồng quản trị và Ban điều hành cần phải có nhiều biện pháp hiệu quả nhằm tạo niềm tin cho cổ đông đồng thời để người lao động an tâm lao động, sản xuất. Một số nội dung cần quan tâm:

- » Xác định các mục tiêu phát triển bền vững của doanh nghiệp và tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật là trọng tâm. Hoạt động kinh doanh phải bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu của Nhà nước và của các cổ đông; đầu tư hiệu quả các dự án; nâng cao năng lực, khả năng cạnh tranh và uy tín Doanh nghiệp trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ công ích đô thị.
- » Đẩy mạnh công tác quản lý, điều hành, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong Công ty. Tiếp tục xây dựng, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các văn bản,

nội quy, quy chế, quy định, quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật và tăng cường quản lý các định mức để tiết giảm chi phí.

- » Phát triển một số ngành nghề kinh doanh mà hiện nay công ty đang có lợi thế, đồng thời tiếp tục mở rộng địa bàn hoạt động đối với các lĩnh vực mà công ty đang thực hiện.
- » Đầu tư, khai thác và sử dụng các thiết bị, công nghệ hiện đại phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường trong các lĩnh vực dịch vụ công ích.
- » Tổ chức bộ máy quản lý, điều hành hợp lý, gọn nhẹ và có hiệu quả, ổn định đời sống người lao động, thực hiện việc đào tạo và tuyển dụng lao động có trình độ. Xác định rõ nguồn nhân lực là khâu then chốt của doanh nghiệp nhằm sắp xếp, bố trí lại nhân sự của các phòng ban, đội, tổ sản xuất phù hợp với yêu cầu của công việc đề ra. Tuyển dụng lao động phải phù hợp với nhu cầu công việc và tiêu chuẩn các chức danh, cần ưu tiên cho những người giỏi về công tác quản lý, có kinh nghiệm làm việc.
- » Có kế hoạch chuẩn bị mọi nguồn lực để tham gia công tác đấu thầu các lĩnh vực công ích đô thị trên địa bàn thành phố khi có chủ trương của tỉnh, thành phố.



- » Tiếp tục xây dựng hoàn thiện quy chế trả lương, trả thưởng dựa trên năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc nhằm động viên khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc.
- » Công tác kiểm tra được duy trì thường xuyên, kịp thời để giải quyết các vướng mắc phát sinh góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- » Thực hiện lộ trình thoái vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp theo chỉ đạo của Chính phủ và của tỉnh Lâm Đồng.

CHƯƠNG V

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- » Hội đồng quản trị
- » Ban kiểm soát
- » Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát



Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Bùi Trung Đường	Chủ tịch HĐQT	06	100%
2	Ông Đặng Quốc Chính	Phó Chủ tịch HĐQT	06	100%
3	Ông Phạm Văn Tuyên	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	06	100%
4	Ông Phạm Tuấn Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	06	100%
5	Ông Lê Quang Thanh Liêm	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	06	100%


Sơ yếu lý lịch HĐQT
Ông Bùi Trung Đường

Năm sinh: 26/12/1960

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Năm	Sự kiện
02/1987 - 06/1988	Chủ tịch UBND Phường 6, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
07/1988 - 08/1988	Cán bộ Phòng Tổ chức LĐXH Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
09/1988 - 10/1990	Phó Trưởng ban kinh tế Thành đoàn Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
11/1990 - 10/1993	Phó Bí thư Thành đoàn Đà Lạt, Giám đốc Trung tâm Du lịch Thanh niên Đà Lạt
11/1993 - 09/2006	Giám đốc Công ty Du lịch Thanh niên Đà Lạt
10/2006 - 02/2007	Phó Giám đốc Công ty Quản lý Công trình Đô thị Đà Lạt
03/2007 - 11/2008	Quyền Giám đốc Công ty Quản lý Công trình Đô thị Đà Lạt
12/2008 - 12/2010	Giám đốc Công ty Quản lý Công trình Đô thị Đà Lạt
01/2011 - 06/2015	Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch vụ Đô thị Đà Lạt
06/2015 - 04/2017	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt
05/2017 đến nay	Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch HĐQT CTCP Dịch vụ Đô thị Đà Lạt

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ (31/12/2019):

Cá nhân: 12.800 cổ phần, chiếm 0,23 % vốn điều lệ

Đại diện sở hữu: 2.071.300 cổ phần, chiếm 36,89% vốn điều lệ (đại diện cho UBND tỉnh Lâm Đồng)



Ông Đặng Quốc Chính

Năm sinh: 26/02/1954

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế

Năm	Sự kiện
10/1971-5/1972	Sinh viên Đại học Kinh tế Quốc Dân
5/1972-10/1975	Bộ đội
10/1975 -10/1979	Sinh viên Đại học Kinh tế Quốc Dân
12/1979 - 5/1996	Giảng viên chính Khoa Khoa học Quản lý Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân Hà Nội
5/1996-9/2000	Trợ lý Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - Bộ Xây dựng
10/2000 - 12/2008	Chủ tịch Hội đồng TV Công ty TNHH Thiết Bị Điện AC
12/2008 đến nay	Chủ tịch HĐQT hoặc TGD (tùy nhiệm kỳ). Hiện nay là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dây điện và Phích Cắm Trần Phú
5/2009 đến nay	Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT (tùy nhiệm kỳ). Hiện là thành viên HĐQT Công ty Liên doanh LG-Vina
5/2010 đến nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Trang thiết bị, Kỹ thuật Y tế Tp Hồ Chí Minh
4/2012 đến nay	Viện trưởng Viện nghiên cứu kinh tế y tế và quản trị bệnh viện Tp Hồ Chí Minh
12/2013 đến nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Du lịch Lâm Đồng
4/2015 đến nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Khách sạn Bưu điện Nha Trang
30/06/2019 đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Dịch vụ Đô thị Đà Lạt

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- » Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dây điện và Phích Cắm Trần Phú
- » Thành viên HĐQT Công ty Liên doanh LG-Vina
- » Chủ tịch HĐQT CTCP Trang thiết bị, Kỹ thuật Y tế Tp Hồ Chí Minh
- » Viện trưởng Viện nghiên cứu kinh tế y tế và quản trị bệnh viện Tp Hồ Chí Minh
- » Chủ tịch HĐQT Công ty CP Du lịch Lâm Đồng
- » Chủ tịch HĐQT CTCP Khách sạn Bưu điện Nha Trang

Số cổ phần nắm giữ (31/12/2019):

Cá nhân: 0 cổ phần

Đại diện sở hữu: : 825.000 cổ phần, chiếm 14,69% vốn điều lệ (Công ty cổ phần Du lịch Lâm Đồng)

Ông Phạm Văn Tuyên

Ông Lê Quang Thanh Liêm

Ông Phạm Tuấn Sơn

Xem chi tiết lý lịch ở trang 24, 25, 26





Các Nghị quyết trong năm của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	03/2019/NQ-HĐQT	29/3/2019	Hội đồng Quản trị thông qua các kế hoạch, báo cáo, tờ trình trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
2	12/2019/NQ-HĐQT	01/06/2019	<ul style="list-style-type: none"> » Hội đồng quản trị thống nhất đăng ký chứng khoán tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch đối với cổ phiếu Công ty cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt tại thị trường Upcom » Thống nhất ủy quyền cho Ông Phạm Văn Tuyên - Giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt (người đại diện theo pháp luật) đại diện ký các văn bản, hợp đồng liên quan đến việc đăng ký chứng khoán và đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường Upcom.
3	13/2019/NQ-HĐQT	12/06/2019	<p>Hội đồng quản trị thống nhất thông qua việc Công ty mua lại cổ phiếu ưu đãi (theo năm cam kết) của người lao động nghỉ việc trước thời hạn cam kết để làm cổ phiếu quỹ, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> » Số lượng mua: 6.000 cổ phiếu (chiếm 0,107% cổ phiếu đang lưu hành). » Thời gian dự kiến mua: tháng 06/2019.
4	14/2019/NQ-HĐQT	29/06/2019	Thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM làm đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2019 và Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt.
5	15/2019/NQ-HĐQT	25/10/2019	Thống nhất điều chuyển kế hoạch đầu tư năm 2019
6	16/2019/NQ-HĐQT	28/11/2019	Thống nhất giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của Công ty CP Dịch vụ Đô thị Đà Lạt

Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã tổ chức 07 cuộc họp (01 cuộc họp ĐHĐCĐ, 06 cuộc họp HĐQT). Ban hành 06 Nghị quyết, 0 Quyết định. BKS đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm là phù hợp với quy định pháp luật và Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và phối hợp cùng Ban điều hành chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu đã được thông qua trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019.



BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Trần Thị Nam Hải	Trưởng ban	4	100%
2	Ông Nguyễn Võ Lê Huy	Kiểm soát viên	4	100%
3	Ông Trần Quang Thắng	Kiểm soát viên	4	100%

Sơ yếu lý lịch BKS

Bà Trần Thị Nam Hải

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

Năm	Sự kiện
10/1997 - 9/2002	Kế toán Công ty Công viên hoa và Cây xanh Đà Lạt
10/2002 - 6/2009	Kế toán Ban Quản lý Vườn hoa Công ty Quản lý Công trình Đô thị Đà Lạt
7/2009 - 12/2010	Kế toán Ban Quản lý Dự án Công ty Quản lý Công trình Đô thị Đà Lạt
01/2011 - 06/2015	Kế toán Ban Quản lý Dự án Công ty TNHH MTV Dịch vụ Đô thị Đà Lạt
06/2015 đến nay	Trưởng Ban Kiểm soát, Nhân viên phòng Kế hoạch Kỹ thuật Kinh doanh

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Trưởng Ban Kiểm soát, Nhân viên phòng Kế hoạch Kỹ thuật Kinh doanh CTCP Dịch vụ Đô thị Đà Lạt

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ (31/12/2019):

Cá nhân: 1.600 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ

Đại diện sở hữu: : 0 cổ phần



Ông Nguyễn Võ Lê Huy

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Quá trình công tác:

Năm	Sự kiện
7/2001 - 7/2004	Nhân viên phòng Kế toán Công ty Du lịch Dịch vụ Xuân Hương
08/2004-11/2009	Nhân viên phòng Kế toán Công ty Du lịch Lâm Đồng
12/2009 - 02/2006	Phó Trưởng phòng Kế toán - Tài Chính Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng
06/2015 đến nay	Kiểm soát viên CTCP Dịch vụ Đô thị Đà Lạt
06/2015 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khách sạn Bưu điện Nha Trang
03/2016 đến nay	Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng
07/2016 đến nay	Giám đốc Công ty TNHH Dalat Safari

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kiểm soát viên CTCP Dịch vụ Đô thị Đà Lạt

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- » Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khách sạn Bưu điện Nha Trang
- » Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng
- » Giám đốc Công ty TNHH Dalat Safari

Số cổ phần nắm giữ (31/12/2019):

Cá nhân: 0 cổ phần

Đại diện sở hữu: : 0 cổ phần

Ông Trần Quang Thắng

Năm sinh: 1981

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

Năm	Sự kiện
07/2000 - 10/2005	Tư Vấn tài Chính Công ty BHNT Bảo Minh CMG Lâm Đồng
11/2005 - 03/2008	NV Kiểm tra phí -Đội thu Phí VSMT Công ty Quản lý Công trình Đô thị Đà Lạt
03/2008 - 12/2010	NV Phòng Kế toán Tài vụ Công ty Quản lý Công trình Đô thị Đà Lạt
01/2011 - 06/2015	NV Phòng Kế toán Tài vụ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Đô thị Đà Lạt
06/2015 đến nay	NV Phòng Kế toán Tài vụ Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt
06/2015 đến nay	Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt

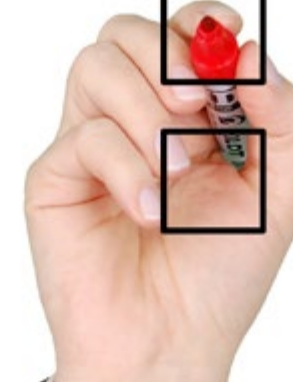
Chức vụ hiện nay tại Công ty: Nhân viên Phòng Kế toán Tài chính, Kiểm soát viên CTCP Dịch vụ Đô thị Đà Lạt

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ (31/12/2019):

Cá nhân: 2.000 cổ phần, chiếm 0,037% vốn điều lệ

Đại diện sở hữu: : 0 cổ phần





Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành

Ban Kiểm soát đều tổ chức họp định kỳ đồng thời thường xuyên trao đổi thông tin nội bộ nhằm mục đích kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty theo chức năng quy định.

- » Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- » Tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị về định hướng, Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- » Thẩm định báo cáo tài chính quý, 6 tháng và cả năm 2019.
- » Xem xét và đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc liên quan đến tình hình sản xuất kinh doanh trong 6 tháng đầu năm và cả năm 2019.
- » Xem xét kiểm tra việc thực hiện công tác đầu tư của các dự án đầu tư và quyết toán vốn đầu tư trong năm 2019.

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã cung cấp đầy đủ thông tin về các Nghị quyết, Quyết định cho Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các phòng ban chuyên môn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, báo cáo, chứng từ ... phục vụ cho công tác giám sát, kiểm tra của Ban Kiểm soát và tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định Điều lệ Công ty.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao
1	Hội đồng quản trị			
	Ông Bùi Trung Đường	Chủ tịch HĐQT	453.503.000	
	Ông Đặng Quốc Chính	Phó Chủ tịch HĐQT		36.000.000
	Ông Phạm Văn Tuyên	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc		36.000.000
	Ông Bùi Trung Đường	Chủ tịch HĐQT		36.000.000
	Ông Đặng Quốc Chính	Phó Chủ tịch HĐQT		36.000.000
2	Ban Kiểm soát			
	Bà Trần Thị Nam Hải	Trưởng ban		45.600.000
	Ông Nguyễn Võ Lê Huy	Kiểm soát viên		27.360.000
	Ông Trần Quang Thắng	Kiểm soát viên		27.360.000
3	Ban Điều hành			
	Ông Phạm Văn Tuyên	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	390.517.000	
	Ông Lê Quang Thanh Liêm	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	352.725.000	
	Ông Phạm Tuấn Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	352.725.000	
	Bà Đặng Quỳnh Như	Kế toán trưởng	327.530.000	

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ không có



Việc thực hiện quy chế quản trị Công ty

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã tổ chức 07 cuộc họp (01 cuộc họp ĐHĐCĐ, 06 cuộc họp HĐQT). Ban hành 06 Nghị quyết. BKS đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm là phù hợp với quy định pháp luật và Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và phối hợp cùng Ban điều hành chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu đã được thông qua trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019.

CHƯƠNG VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- » Ý kiến kiểm toán
- » Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019





Số: 20.163/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2020 từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT TỔNG GIÁM ĐỐC

Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0172-2018-026-1
Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Trịnh Thanh Thanh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
2820-2020-026-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT**

Địa chỉ: Số 8, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		82.341.072.187	66.664.695.461
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	25.732.713.348	20.461.981.587
1. Tiền	111		8.732.713.348	2.461.981.587
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.000.000.000	18.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		46.132.930.000	38.555.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	46.132.930.000	38.555.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.078.061.566	3.641.972.225
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	3.342.846.104	2.691.968.911
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	1.934.277.674	1.500.514.824
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	1.464.759.455	1.113.310.157
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(1.663.821.667)	(1.663.821.667)
IV. Hàng tồn kho	140		5.392.645.693	3.125.177.483
1. Hàng tồn kho	141	4.7	5.392.645.693	3.125.177.483
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.721.580	880.564.166
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	880.564.166
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		4.721.580	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		40.347.483.744	34.105.899.643
I. Tài sản cố định	220		31.106.977.523	30.384.227.765
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	30.964.477.528	30.258.127.766
Nguyên giá	222		64.076.170.111	58.015.150.692
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.111.692.583)	(27.757.022.926)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	142.499.995	126.099.999
Nguyên giá	228		241.000.000	184.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(98.500.005)	(57.900.001)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.456.217.333	1.899.048.836
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	5.456.217.333	1.899.048.836
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	608.015.024	608.015.024
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.388.342.240	1.388.342.240
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(780.327.216)	(780.327.216)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		3.176.273.864	1.214.608.018
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	2.695.832.121	1.058.542.575
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		480.441.743	156.065.443
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		122.688.555.931	100.770.595.104

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT

Địa chỉ: Số 8, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		43.115.965.997	24.330.571.412
I. Nợ ngắn hạn	310		42.990.480.765	24.168.816.867
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	19.682.766.284	7.927.408.370
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	3.213.051.625	1.827.940.919
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	5.953.676.942	2.655.362.075
4. Phải trả người lao động	314	4.15	9.746.265.017	7.622.006.547
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.16	14.759.091	14.759.091
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	1.756.242.790	1.237.640.344
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		34.219.612	23.462.284
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.18	2.589.499.404	2.860.237.237
II. Nợ dài hạn	330		125.485.232	161.754.545
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.16	77.485.232	88.554.545
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.17	48.000.000	73.200.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		79.572.589.934	76.440.023.692
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.19	79.691.954.476	76.379.099.290
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		56.143.000.000	56.143.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.143.000.000	56.143.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(131.000.000)	(71.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.801.825.415	5.595.012.377
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.878.129.061	14.712.086.913
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		324.858.231	13.490.000
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.553.270.830	14.698.596.913
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(119.364.542)	60.924.402
1. Nguồn kinh phí	431		(132.964.542)	47.324.402
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		13.600.000	13.600.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		122.688.555.931	100.770.595.104

Phê duyệt

 Phạm Văn Tuyên
 Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Người lập

Đặng Quỳnh Như
 Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT**

Địa chỉ: Số 8, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		132.700.119.572	117.781.128.891
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		592.965.266	1.162.716.363
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	132.107.154.306	116.618.412.528
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	102.782.370.509	88.700.507.652
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.324.783.797	27.917.904.876
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	3.275.087.144	2.762.987.418
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	12.522.297.691	12.444.784.990
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.077.573.250	18.236.107.304
9. Thu nhập khác	31		115.398.096	177.921.181
10. Chi phí khác	32		378.920.034	21.192.344
11. Lợi nhuận khác	40		(263.521.938)	156.728.837
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.814.051.312	18.392.836.141
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.6	4.585.156.782	3.694.239.228
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(324.376.300)	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.553.270.830	14.698.596.913
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.19.4	2.775	2.149
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.19.5	2.775	2.149

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT

Địa chỉ: Số 8, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		19.814.051.312	18.392.836.141
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.5	5.418.370.156	4.905.253.040
Các khoản dự phòng	03		10.757.328	7.945.575
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.302.807.144)	(2.837.036.892)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		21.940.371.652	20.468.997.864
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.237.345.978)	(640.150.949)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.267.468.210)	(1.406.678.210)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		15.591.971.659	(2.475.963.715)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(756.725.380)	354.264.212
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.397.253.351)	(3.918.805.678)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		511.564.000	534.860.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.507.864.189)	(3.754.236.167)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		25.877.250.203	9.162.287.357
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.535.690.643)	(7.580.041.916)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	74.049.474
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(91.717.930.000)	(67.105.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		84.140.000.000	57.819.416.667
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.099.342.201	2.651.088.392
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.014.278.442)	(14.140.487.383)

(Xem tiếp trang sau)

Phê duyệt

Phạm Văn Tuyên
Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Người lập

Đặng Quỳnh Như
Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT**

Địa chỉ: Số 8, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(60.000.000)	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.532.240.000)	(10.653.680.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.592.240.000)	(10.653.680.000)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		5.270.731.761	(15.631.880.026)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		20.461.981.587	36.093.861.613
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	25.732.713.348	20.461.981.587

Phê duyệt

Phạm Văn Tuyên
Giám đốc
Lâm Đồng, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Người lập

Đặng Quỳnh Như
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT

Địa chỉ: Số 08, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Đô thị Thành phố Đà Lạt - doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 30 tháng 06 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lâm Đồng. Ngày 30 tháng 06 năm 2015, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt theo Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 30 tháng 03 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lâm Đồng và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800075878 với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 08 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

Ngày 23 tháng 12 năm 2019, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành Quyết định số 864/QĐ-SGDHN chấp thuận cho Công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu với mã chứng khoán DUS.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 56.143.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Nhà nước	41.426.000.000	73,79%	41.426.000.000	73,79%
Công ty Cổ phần				
Du Lịch Lâm Đồng	8.250.000.000	14,69%	8.250.000.000	14,69%
Cổ đông khác	6.467.000.000	11,52%	6.467.000.000	11,52%
Cộng	56.143.000.000	100,00%	56.143.000.000	100,00%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 08, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 415 (31/12/2018: 404).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ công ích.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Thu gom, vận chuyển và xử lý rác sinh hoạt, rác thải y tế;
- Quản lý, bảo vệ và vận hành hệ thống điện chiếu sáng công cộng đô thị;
- Quản lý, bảo vệ chăm sóc cây hoa, cây xanh công viên;
- Duy tu, sửa chữa nâng cấp đường đô thị;
- Quản lý, bảo vệ hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Quản lý nghĩa trang và dịch vụ tang lễ;
- Các dịch vụ kinh doanh về vệ sinh môi trường, trồng chăm sóc, kinh doanh hoa, cây cảnh, cây xanh đường phố, công viên;



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Khảo sát, tư vấn, thiết kế và thi công công trình dân dụng, giao thông, thoát nước, hệ thống chiếu sáng, công viên cây xanh. Kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Giám sát thi công, quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản;
- Khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí, cho thuê mặt bằng kinh doanh, bãi giữ xe;
- Tổ chức sự kiện.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên doanh khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, đối với các khoản đầu tư không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư này được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm
▪ Khác	05 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Thời gian khấu hao ước tính cho phần mềm máy vi tính là 05 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

3.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến thùng rác công cộng, chi phí sửa chữa, chỉnh Trang vườn hoa,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.11. Quỹ lương

Quỹ lương Năm 2019 được trích lập theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 06 năm 2016 của Chính phủ và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.16. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu quản lý; chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí dự phòng; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác (chi phí tiếp khách,...).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ tang lễ; chăm sóc cây hoa, cây xanh công viên; chiếu sáng công cộng Không chịu thuế
- Thu gom, vận chuyển và xử lý rác sinh hoạt, rác thải y tế; dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí, cho thuê mặt bằng kinh doanh; đầu tư xây dựng cơ bản và các dịch vụ khác 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.20. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT**

Địa chỉ: Số 08, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tiền mặt	82.105.223	80.151.578
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.650.608.125	2.381.830.009
Các khoản tương đương tiền (*)	17.000.000.000	18.000.000.000
Cộng	25.732.713.348	20.461.981.587

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 01 tháng đến 03 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 4,3%/năm đến 4,8%/năm.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT

Địa chỉ: Số 08, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	46.132.930.000	46.132.930.000	38.555.000.000	38.555.000.000

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 06 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 6,0%/năm đến 7,0%/năm.

Đầu tư vào công ty liên doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Trung tâm vui chơi giải trí Đà Lạt	1.388.342.240	(*) (780.327.216)	1.388.342.240	(*) (780.327.216)

Đầu tư vào công ty liên doanh là khoản đầu tư góp vốn vào Trung tâm Vui chơi Giải trí Đà Lạt với tỷ lệ vốn góp là 20%. Ngày 01 tháng 10 năm 2013 Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 1964/QĐ-UBND về việc chấm dứt hoạt động của Trung tâm Vui chơi Giải trí Đà Lạt. Đến ngày phát hành báo cáo này, Công ty và bên đầu tư đang thực hiện các thủ tục thanh lý dự án đầu tư và giải thể Khu vui chơi, giải trí Đà Lạt.

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem tiếp trang sau)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Kho bạc Nhà nước tỉnh Lâm Đồng	496.568.275	597.591.290
Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng	447.288.000	294.527.000
Văn phòng Tỉnh ủy Lâm Đồng	441.180.000	-
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lâm Đồng	90.637.800	184.121.400
Các khách hàng khác	1.867.172.029	1.615.729.221
Cộng	3.342.846.104	2.691.968.911

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quang Việt	1.042.196.850	-
Công ty TNHH Thiết kế Cảnh quan Minh An	9.990.850	466.613.000
Công ty TNHH Khoa học công nghệ và Bảo vệ môi trường	-	603.900.000
Trả trước cho người bán khác	882.089.974	430.001.824
Cộng	1.934.277.674	1.500.514.824

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác từ bên liên quan - Xem thêm mục 7	23.826.000	-	23.826.000	-
Phải thu người lao động	708.387.542	297.499.826	555.965.826	297.499.826
Dự thu lãi tiền gửi	563.546.903	-	360.081.960	-
Phải thu bảo hiểm xã hội	4.644.094	-	9.081.455	-
Phải thu khác	164.354.916	32.227.916	164.354.916	32.227.916
Cộng	1.464.759.455	329.727.742	1.113.310.157	329.727.742

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	1.233.819.843	-	1.233.819.843	-
Tổng giá trị các khoản ứng trước quá hạn thanh toán	430.001.824	-	430.001.824	-
Cộng	1.663.821.667	-	1.663.821.667	-

Ban Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu và các khoản ứng trước cho người bán quá hạn là thấp vì những khoản nợ này là của các đối tượng đã quá hạn thanh toán trên 10 năm.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, các khoản ứng trước quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2019 VND			Tại ngày 01/01/2019 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Khai thác Chế biến Lâm sản	170.573.500	-	Trên 10 năm	170.573.500	-	Trên 10 năm
Ông Tôn Thất Chiến	125.142.044	-	Trên 10 năm	125.142.044	-	Trên 10 năm
Công ty Hùng Vương	112.107.451	-	Trên 10 năm	112.107.451	-	Trên 10 năm
Các đối tượng khác	1.255.998.672	-	Trên 10 năm	1.255.998.672	-	Trên 10 năm
Cộng	1.663.821.667	-		1.663.821.667	-	

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.252.026.057	-	2.033.559.080	-
Công cụ, dụng cụ	369.722.023	-	624.363.557	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.759.937.772	-	456.295.005	-
Thành phẩm	10.959.841	-	10.959.841	-
Cộng	5.392.645.693	-	3.125.177.483	-



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2019	17.817.765.843	10.533.326.758	28.711.836.819	83.300.000	868.921.272	58.015.150.692
Mua trong năm	3.625.837.479	2.437.211.667	-	123.973.000	-	6.187.022.146
Giảm khác	(126.002.727)	-	-	-	-	(126.002.727)
Tại ngày 31/12/2019	21.317.600.595	12.970.538.425	28.711.836.819	207.273.000	868.921.272	64.076.170.111
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2019	6.216.894.653	4.540.446.004	16.397.066.505	61.727.784	540.887.980	27.757.022.926
Khấu hao trong năm	2.132.694.466	1.089.570.571	1.996.096.563	20.031.540	139.377.012	5.377.770.152
Giảm khác	(23.100.495)	-	-	-	-	(23.100.495)
Tại ngày 31/12/2019	8.326.488.624	5.630.016.575	18.393.163.068	81.759.324	680.264.992	33.111.692.583
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2019	11.600.871.190	5.992.880.754	12.314.770.314	21.572.216	328.033.292	30.258.127.766
Tại ngày 31/12/2019	12.991.111.971	7.340.521.850	10.318.673.751	125.513.676	188.656.280	30.964.477.528

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 10.417.611.282 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm vi tính VND
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/01/2019	184.000.000
Mua trong năm	57.000.000
Tại ngày 31/12/2019	241.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Tại ngày 01/01/2019	57.900.001
Khấu hao trong năm	40.600.004
Tại ngày 31/12/2019	98.500.005
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 01/01/2019	126.099.999
Tại ngày 31/12/2019	142.499.995

4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Xe ép rác	4.271.436.364	-
Công trình nhà vệ sinh số 1 - Vườn hoa thành phố	-	1.295.910.909
Công trình vườn ươm Cam Ly - Phường 5	520.511.650	402.648.014
Công trình vườn ươm Phước Thành - Phường 7	183.994.609	183.994.609
Công trình khác	480.274.710	16.495.304
Cộng	5.456.217.333	1.899.048.836

4.11. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Thùng rác công cộng	1.011.272.727	
Chi phí sửa chữa, chỉnh trang	1.565.807.425	849.817.575
Khác	118.751.969	208.725.000
Cộng	2.695.832.121	1.058.542.575



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Ô tô chuyên dùng Hiệp Hòa	3.360.500.000	3.360.500.000	-	-
Công ty TNHH Phương Hoàng Mai	2.671.304.951	2.671.304.951	-	-
Công ty TNHH Thông Nữ	2.167.798.000	2.167.798.000	135.032.000	135.032.000
Công ty TNHH Mai Thanh Tân	1.391.372.883	1.391.372.883	1.390.529.290	1.390.529.290
Công ty TNHH Tiến Đức Đà Lạt	489.845.000	489.845.000	1.473.580.000	1.473.580.000
Công ty TNHH Hưng Nguyên	300.115.000	300.115.000	608.699.000	608.699.000
Phải trả cho các đối tượng khác	9.301.830.450	9.301.830.450	4.319.568.080	4.319.568.080
Cộng	19.682.766.284	19.682.766.284	7.927.408.370	7.927.408.370

4.13. Người mua trả trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	VND		VND	
Phòng Tài chính Kế hoạch Đà Lạt	2.914.024.362	1.727.413.656		
Các khách hàng khác	299.027.263	100.527.263		
Cộng	3.213.051.625	1.827.940.919		

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT

Địa chỉ: Số 08, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2019	Trong năm		Tại ngày 01/01/2019
	VND	VND		VND
		Phải nộp	Đã nộp	
Thuế giá trị gia tăng	4.439.551.876	13.341.913.000	10.231.251.570	1.328.890.446
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.436.711.018	4.585.156.782	4.397.253.351	1.248.807.587
Thuế thu nhập cá nhân	-	297.676.179	297.926.179	250.000
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	6	4.638.214.960	4.638.214.954	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí	77.414.042	-	-	77.414.042
Cộng	5.953.676.942	22.866.960.921	19.568.646.054	2.655.362.075

4.15. Phải trả người lao động

Là quỹ tiền lương năm 2019 còn phải trả cho người lao động.

(Xem tiếp trang sau)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.16. Doanh thu chưa thực hiện

Là khoản tiền nhận trước về cho thuê mặt bằng kinh doanh dịch vụ tại vườn hoa thành phố với thời hạn cho thuê là 20 năm.

4.17. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:		
Phải trả khác cho bên liên quan - Xem thêm mục 7	809.957.845	809.957.845
Kinh phí công đoàn	54.816.532	23.234.961
Nhận ký quỹ, ký cược	459.700.000	199.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	431.768.413	205.447.538
Cộng	1.756.242.790	1.237.640.344

Dài hạn:

Nhận ký quỹ, ký cược	48.000.000	73.200.000
----------------------	------------	------------

4.18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Số dư đầu năm	2.860.237.237	2.542.542.454
Trích lập trong năm	2.648.175.644	3.289.239.709
Tăng khác	511.564.000	534.860.000
Sử dụng trong năm	(3.430.477.477)	(3.506.404.926)
Số dư cuối năm	2.589.499.404	2.860.237.237

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT

Địa chỉ: Số 08, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.19. Vốn chủ sở hữu

4.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2018	56.143.000.000	(71.000.000)	3.105.223.540	16.446.198.546	75.623.422.086
Lãi trong năm trước	-	-	-	14.698.596.913	14.698.596.913
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.489.788.837	(2.489.788.837)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.466.929.782)	(2.466.929.782)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(822.309.927)	(822.309.927)
Chia cổ tức	-	-	-	(10.653.680.000)	(10.653.680.000)
Tại ngày 01/01/2019	56.143.000.000	(71.000.000)	5.595.012.377	14.712.086.913	76.379.099.290
Lãi trong năm nay	-	-	-	15.553.270.830	15.553.270.830
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.206.813.038	(2.206.813.038)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.059.692.168)	(2.059.692.168)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(588.483.476)	(588.483.476)
Chia cổ tức	-	-	-	(9.532.240.000)	(9.532.240.000)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	(60.000.000)	-	-	(60.000.000)
Tại ngày 31/12/2019	56.143.000.000	(131.000.000)	7.801.825.415	15.878.129.061	79.691.954.476

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.19.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Vốn góp của Nhà nước	41.426.000.000	41.426.000.000
Công ty Cổ phần Du Lịch Lâm Đồng	8.250.000.000	8.250.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	6.467.000.000	6.467.000.000
Cộng	56.143.000.000	56.143.000.000

4.19.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	5.614.300	5.614.300
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	5.614.300	5.614.300
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(13.100)	(7.100)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5.604.093	5.607.200

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.19.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	15.553.270.830	14.698.596.913
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(2.059.692.168)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	(588.483.476)
Lãi để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.553.270.830	12.050.421.269
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	5.604.093	5.607.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.775	2.149

Đến ngày 31/12/2019, Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông thì lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi tương ứng.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.19.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	15.556.540.426	14.698.596.913
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(2.059.692.168)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	(588.483.476)
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	15.556.540.426	12.050.421.269
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	5.604.093	5.607.200
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.604.093	5.607.200
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.775	2.149

Đến ngày 31/12/2019, Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông thì lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ giảm đi tương ứng.

4.19.6. Cổ tức

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	9.532.240.000	10.653.680.000

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 05/2019/NQ-ĐHCD ngày 26 tháng 04 năm 2019, cổ tức năm 2018 được chia với tỷ lệ 17% vốn điều lệ.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT**

Địa chỉ: Số 08, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****5.1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu hoạt động vé cổng vườn hoa thành phố	37.050.059.084	35.950.809.096
Doanh thu dịch vụ vệ sinh môi trường	35.200.508.182	28.941.480.907
Doanh thu hoạt động chăm sóc hoa, cây xanh đường phố	20.500.000.000	18.118.000.000
Doanh thu duy tu, sửa chữa hệ thống giao thông đường bộ	6.576.849.092	6.165.132.728
Doanh thu khác	33.372.703.214	28.605.706.160
Các khoản giảm trừ doanh thu	(592.965.266)	(1.162.716.363)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>132.107.154.306</u>	<u>116.618.412.528</u>

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn hoạt động vé cổng vườn hoa thành phố	30.303.664.801	27.452.141.341
Giá vốn dịch vụ vệ sinh môi trường	27.145.083.527	23.377.516.524
Giá vốn hoạt động chăm sóc hoa, cây xanh đường phố	15.276.490.610	10.506.264.031
Giá vốn duy tu, sửa chữa hệ thống giao thông đường bộ	5.392.585.742	5.852.806.235
Giá vốn khác	24.664.545.829	21.511.779.521
Cộng	<u>102.782.370.509</u>	<u>88.700.507.652</u>

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh trong năm.

5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.289.405.793	8.099.807.536
Chi phí khấu hao tài sản cố định	414.864.804	429.531.479
Chi phí dịch vụ mua ngoài	552.639.741	531.435.023
Chi phí bằng tiền khác	3.265.387.353	3.384.010.952
Chi phí tiếp khách	1.198.613.880	875.998.397
Chi phí tham quan, nghỉ dưỡng	294.872.727	741.301.363
Phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh và công cụ dụng cụ sau khi xác định giá trị doanh nghiệp	-	379.190.131
Chi phí khác	1.771.900.746	1.387.521.061
Cộng	<u>12.522.297.691</u>	<u>12.444.784.990</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT

Địa chỉ: Số 08, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.905.581.189	17.103.132.268
Chi phí nhân công	57.349.580.124	53.766.563.735
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.418.370.156	4.905.253.040
Chi phí dự phòng	10.757.328	7.945.575
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.348.071.687	6.370.838.224
Chi phí bằng tiền khác	22.575.950.483	18.881.059.257
Cộng	<u>117.608.310.967</u>	<u>101.034.792.099</u>

5.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.450.543.495	3.694.239.228
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	134.613.287	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>4.585.156.782</u>	<u>3.694.239.228</u>

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	19.814.051.312	18.392.836.141
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.438.666.163	78.360.000
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	22.252.717.475	18.471.196.141
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	<u>4.450.543.495</u>	<u>3.694.239.228</u>

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT**

Địa chỉ: Số 08, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trong tỉnh Lâm Đồng phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Lĩnh vực dịch vụ công ích;
- Lĩnh vực dịch vụ vườn hoa thành phố;
- Các lĩnh vực khác.

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019:

	<u>Lĩnh vực dịch vụ công ích</u>		<u>Lĩnh vực dịch vụ vườn hoa thành phố</u>		<u>Các lĩnh vực khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>ĐVT: Triệu đồng Tổng công</u>	
	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu thuần	64.691	55.070	37.050	35.951	30.366	25.598	-	-	132.107	116.619
Kết quả hoạt động kinh doanh										
Kết quả của bộ phận	14.432	13.238	6.746	8.499	8.146	6.180	-	-	29.324	27.917
Chi phí không phân bổ									(12.522)	(12.445)
Thu nhập tài chính									3.275	2.763
Lợi nhuận khác									(263)	157
Thuế thu nhập doanh nghiệp									(4.261)	(3.694)
Lợi nhuận sau thuế									15.553	14.698

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT

Địa chỉ: Số 08, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Các thông tin khác:**

	<u>Lĩnh vực dịch vụ công ích</u>		<u>Lĩnh vực dịch vụ vườn hoa thành phố</u>		<u>Các lĩnh vực khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>ĐVT: Triệu đồng Tổng công</u>	
	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí mua sắm tài sản	3.663	1.698	2.593	5.129	280	753	-	-	6.536	7.580
Chi phí khấu hao	2.739	2.691	1.215	651	1.464	1.563	-	-	5.418	4.905
Tài sản không phân bổ									122.689	100.771
Nợ phải trả không phân bổ									43.116	24.331
									Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại tỉnh Lâm Đồng, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT**

Địa chỉ: Số 08, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | |
|---------------------------------------|--------------------------|
| 1. Trung tâm vui chơi Giải trí Đà Lạt | Công ty liên doanh |
| 2. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu khác - Xem thêm mục 4.5:		
Trung tâm Vui chơi Giải trí Đà Lạt	23.826.000	23.826.000
Phải trả khác - Xem thêm mục 4.17:		
Trung tâm Vui chơi Giải trí Đà Lạt	809.957.845	809.957.845

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và nhân sự quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị	144.000.000	144.000.000
Thu nhập của Ban Giám đốc và nhân sự quản lý chủ chốt	1.526.820.962	1.530.273.846
Cộng	<u>1.670.820.962</u>	<u>1.674.273.846</u>

8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	100.320.000	100.320.000

9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm 2018 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2018 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.149	2.621

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2018 được báo cáo lại do Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 số 05/2019/NQ-ĐHCD ngày 26 tháng 04 năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT

Địa chỉ: Số 08, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT

Xác nhận của người đại diện theo pháp luật